

**BỘ KẾ HOẠCH VÀ ĐẦU TƯ CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 4669 /BKHĐT-TH  
V/v hướng dẫn triển khai các  
Chỉ thị của TTCP và xây dựng  
KH năm 2014

*Hà Nội, ngày 05 tháng 7 năm 2013*

Kính gửi:

- Các bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ và các cơ quan khác ở Trung ương;
- Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương;
- Các tập đoàn kinh tế, tổng công ty nhà nước;
- Ngân hàng đầu tư PT và Ngân hàng Chính sách XH.

Căn cứ Chỉ thị số 13/CT-TTg ngày 23 tháng 6 năm 2013 về xây dựng kế hoạch phát triển kinh tế-xã hội và dự toán ngân sách nhà nước năm 2014; Chỉ thị số 14/CT-TTg ngày 28 tháng 6 năm 2013 về tăng cường quản lý đầu tư và xử lý nợ đọng xây dựng cơ bản từ nguồn ngân sách nhà nước và trái phiếu Chính phủ; Chỉ thị số 09/CT-TTg ngày 18 tháng 6 năm 2013 về việc tăng cường chỉ đạo điều hành thực hiện nhiệm vụ tài chính - ngân sách nhà nước năm 2013 và các văn bản điều hành trong năm 2013 của Thủ tướng Chính phủ, Bộ Kế hoạch và Đầu tư hướng dẫn các bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan khác ở Trung ương, Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương, các tập đoàn kinh tế, tổng công ty nhà nước (dưới đây gọi tắt là các bộ, ngành và địa phương) về tăng cường quản lý đầu tư, xử lý nợ đọng và triển khai xây dựng kế hoạch đầu tư nguồn NSNN giai đoạn 2014-2015 và kế hoạch đầu tư nguồn NSNN và trái phiếu Chính phủ năm 2014 như sau:

**A. CÁC QUY ĐỊNH CHUNG TRONG QUẢN LÝ ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN NGUỒN VỐN NSNN VÀ TRÁI PHIẾU CHÍNH PHỦ**

**I. Về việc lập, thẩm định, phê duyệt các dự án đầu tư sử dụng nguồn vốn ngân sách nhà nước và trái phiếu Chính phủ**

Các bộ, ngành và địa phương chịu trách nhiệm quản lý chặt chẽ việc lập, thẩm định, phê duyệt các dự án đầu tư sử dụng nguồn vốn NSNN và trái phiếu Chính phủ theo các quy định sau:

1. Chấn chỉnh và quy định rõ trách nhiệm của các cơ quan lập, thẩm định, phê duyệt các dự án đầu tư thuộc thẩm quyền.

2. Đối với các dự án khởi công mới sử dụng nguồn vốn NSNN chưa phê duyệt Quyết định đầu tư hoặc đã phê duyệt Quyết định đầu tư, nhưng chưa được bố trí vốn:

a) Kiểm soát chặt chẽ phạm vi, quy mô đầu tư của từng dự án bảo đảm theo đúng mục tiêu, lĩnh vực, chương trình đã được phê duyệt.

b) Chỉ được phê duyệt quyết định đầu tư khi đã xác định rõ nguồn vốn và khả năng cân đối vốn ở từng cấp ngân sách.

c) Đối với các dự án đã được Bộ Kế hoạch và Đầu tư thẩm định nguồn vốn, chỉ được phê duyệt quyết định đầu tư phân vốn ngân sách trung ương theo đúng mức vốn đã được thẩm định.

3. Đối với các dự án chuyển tiếp, đang triển khai dở dang đã được giao kế hoạch vốn NSNN và vốn trái phiếu Chính phủ cần thiết phải điều chỉnh tăng tổng mức đầu tư thực hiện theo các quy định sau:

a) Đối với các dự án phê duyệt quyết định đầu tư hoặc phê duyệt quyết định đầu tư điều chỉnh trước ngày có hiệu lực của Nghị định số 83/2009/NĐ-CP ngày 15 tháng 10 năm 2009 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều Nghị định số 12/2009/NĐ-CP ngày 12 tháng 02 năm 2009 của Chính phủ về quản lý dự án đầu tư xây dựng công trình, phải rà soát các nội dung đầu tư phù hợp với khả năng cân đối nguồn vốn trong phạm vi quản lý của ngân sách cấp mình.

b) Đối với các dự án phê duyệt quyết định đầu tư hoặc điều chỉnh quyết định đầu tư sau khi Nghị định số 83/2009/NĐ-CP có hiệu lực, phải rà soát các nội dung đầu tư, cắt giảm các chi phí, hạng mục không thật cần thiết trên nguyên tắc vẫn bảo đảm mục tiêu chủ yếu của dự án, hiệu quả đầu tư nhằm giảm chi phí đầu tư, đảm bảo không vượt tổng mức đầu tư đã được phê duyệt. Sau khi áp dụng các giải pháp trên, nếu dự án vẫn phải điều chỉnh tăng tổng mức đầu tư do các nguyên nhân: biến động giá nguyên, nhiên, vật liệu; chính sách tiền lương và chi phí giải phóng mặt bằng, thì phải trên cơ sở cân đối nguồn vốn sắp xếp thứ tự ưu tiên các dự án, người có thẩm quyền quyết định đầu tư xem xét, quyết định dừng những dự án không đảm bảo hiệu quả đầu tư, chưa thật cần thiết để tập trung vốn cho các dự án cấp bách và hiệu quả cao hơn.

c) Trong phạm vi cân đối ngân sách của cấp mình, người có thẩm quyền quyết định đầu tư xem xét, quyết định điều chỉnh dự án.

d) Việc điều chỉnh dự án phải đảm bảo hiệu quả đầu tư, mục tiêu đầu tư, khả năng cân đối nguồn vốn và khả năng hoàn thành dự án đúng tiến độ.

đ) Làm rõ nguyên nhân, trách nhiệm của các tổ chức, cá nhân trong từng khâu lập, thẩm định, phê duyệt dự án đầu tư, dẫn đến việc tăng tổng mức đầu tư các dự án không thuộc các trường hợp được phép điều chỉnh theo quy định.

e) Theo quy định tại Chỉ thị số 14/CT-TTg ngày 28 tháng 6 năm 2013: Ngân sách Trung ương không hỗ trợ cho phần điều chỉnh tăng tổng mức đầu tư so với quyết định đầu tư ban đầu hoặc Quyết định đầu tư ghi trong các Quyết định giao kế hoạch của Thủ tướng Chính phủ. Vì vậy, từ nay cho đến khi có chủ trương mới, các bộ, ngành và địa phương không đề nghị Bộ Kế hoạch và Đầu tư, Bộ Tài chính thẩm định nguồn vốn và cân đối vốn đối với các dự án sử dụng vốn Ngân sách Trung ương và vốn trái phiếu Chính phủ điều chỉnh tăng tổng mức đầu tư.

4. Đối với những dự án có thể chuyển đổi hình thức đầu tư theo tinh thần Chỉ thị số 1792/CT-TTg ngày 15 tháng 10 năm 2011 của Thủ tướng Chính phủ: Bộ trưởng, Thủ trưởng các cơ quan ngang Bộ, cơ quan khác ở Trung ương, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương, Chủ tịch Hội đồng thành viên các tập đoàn kinh tế, tổng công ty nhà nước yêu cầu các chủ đầu tư thuộc thẩm quyền quản lý tổ chức rà soát các nội dung đầu tư và phê duyệt lại các dự án theo quy định hiện hành cho phù hợp với các quy định của pháp luật đối với hình thức đầu tư mới; đồng thời gửi quyết định đầu tư đã phê duyệt lại đến Bộ Kế hoạch và Đầu tư, Bộ Tài chính để tổng hợp báo cáo Thủ tướng Chính phủ.

5. Tổng hợp danh mục các dự án phê duyệt Quyết định đầu tư trước khi ban hành Chỉ thị số 1792/CT-TTg đã được Ngân sách Trung ương hỗ trợ, mặc dù không điều chỉnh tăng tổng mức đầu tư hỗ trợ, nhưng hiện nay khó có khả năng bố trí đủ phần hỗ trợ từ ngân sách Trung ương, mà các bộ, ngành và địa phương đã thực hiện:

a) Điều chỉnh giảm quy mô, cắt giảm các chi phí, hạng mục không thật cần thiết theo khả năng cân đối nguồn vốn ngân sách trung ương giai đoạn 2012-2015.

b) Giãn hoãn tiến độ thực hiện sau năm 2015.

c) Huy động các nguồn vốn khác để thực hiện.

6. Các cấp, các ngành tăng cường công tác giám sát, thanh tra, kiểm tra trong tất cả các khâu về lập dự án, thẩm định, thẩm tra dự án đầu tư.

## **II. Về xử lý nợ đọng xây dựng cơ bản**

**1. Các bộ, ngành và địa phương chấn chỉnh công tác quản lý nhằm giảm tối đa nợ đọng xây dựng cơ bản.** Cụ thể như sau:

a) Các dự án đã được quyết định đầu tư phải thực hiện theo mức vốn kế hoạch đã giao.

b) Không yêu cầu các doanh nghiệp tự bỏ vốn đầu tư khi chưa được bố trí vốn kế hoạch hàng năm hoặc bỏ vốn đầu tư cao hơn mức vốn kế hoạch được giao, dẫn đến hậu quả phát sinh nợ đọng xây dựng cơ bản.

c) Không được tổ chức lựa chọn nhà thầu đối với các gói thầu chưa được bố trí vốn. Chỉ được tổ chức lựa chọn nhà thầu đối với các gói thầu đã được bố trí vốn và theo tiến độ, kế hoạch vốn được giao. Đối với các gói thầu đã hoàn thành và bàn giao đưa vào sử dụng, phải tổ chức nghiệm thu và thanh quyết toán theo đúng hợp đồng đã ký theo quy định tại Điều 58 và Điều 59 của Luật Đấu thầu, tránh tình trạng nợ đọng, chiếm dụng vốn của nhà thầu.

d) Lập và điều chỉnh kế hoạch đấu thầu theo tiến độ và kế hoạch vốn được phân bổ của từng dự án theo đúng quy định tại Điều 6, Luật Đấu thầu và khoản 3, Điều 10 Nghị định số 85/2009/NĐ-CP ngày 15 tháng 10 năm 2009 của Chính phủ hướng dẫn thi hành Luật Đấu thầu và lựa chọn nhà thầu xây dựng theo Luật Xây dựng.

đ) Không được sử dụng vốn ngân sách địa phương vay, bao gồm vốn vay theo quy định tại khoản 3, Điều 8, Luật NSNN; vốn vay nhân rồi của Kho bạc nhà nước; các khoản vốn vay khác để bố trí cho các dự án khởi công mới khi chưa xác định hoặc thẩm định được nguồn vốn để hoàn trả.

e) Phải tự cân đối các nguồn vốn để xử lý dứt điểm tình trạng nợ đọng xây dựng cơ bản.

## **2. Báo cáo tình hình nợ đọng xây dựng cơ bản**

Căn cứ các quy định về nợ đọng xây dựng cơ bản được nêu tại văn bản 9590/BKHĐT-TH ngày 20 tháng 11 năm 2012 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư, đề nghị các bộ, ngành và địa phương báo cáo danh mục và số nợ đọng xây dựng cơ bản đến hết ngày 31 tháng 12 năm 2012 và đến ngày 30 tháng 6 năm 2013 theo các biểu mẫu kèm theo, làm rõ nguyên nhân và giải pháp xử lý nợ đọng. Cụ thể:

a) Danh mục và số nợ đọng xây dựng cơ bản trong kế hoạch, gồm:

- Danh mục và số nợ đọng xây dựng cơ bản các dự án đã hoàn thành, đã bàn giao sử dụng nguồn vốn ngân sách trung ương, ngân sách địa phương, nguồn vốn trái phiếu Chính phủ.

- Danh mục và số nợ đọng xây dựng cơ bản các dự án đang triển khai thực hiện sử dụng nguồn vốn ngân sách trung ương, ngân sách địa phương, nguồn vốn trái phiếu Chính phủ.

b) Danh mục và số nợ đọng xây dựng cơ bản các dự án không thuộc kế hoạch nêu tại tiết a trên đây.

c) Đối với số nợ đọng xây dựng cơ bản đến hết ngày 31 tháng 12 năm 2012, báo cáo rõ số vốn kế hoạch năm 2013 đã bố trí để thanh toán số nợ này.

**3. Làm rõ nguyên nhân gây ra nợ đọng xây dựng cơ bản trong kế hoạch và không thuộc kế hoạch.**

**4. Kiểm điểm, xác định rõ trách nhiệm của từng cấp, từng cơ quan (gắn với trách nhiệm cá nhân) trong việc để phát sinh nợ đọng xây dựng cơ bản trong kế hoạch và không thuộc kế hoạch.**

**5. Các giải pháp đã và sẽ thực hiện trong thời gian tới để xử lý nợ đọng xây dựng cơ bản.**

### **III. CÁC QUY ĐỊNH BỐ TRÍ VỐN NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC VÀ TRÁI PHIẾU CHÍNH PHỦ TRONG THỜI GIAN TỚI**

**1. Việc bố trí vốn để thực hiện dự án đối với phần điều chỉnh tăng tổng mức đầu tư so với quyết định đầu tư ban đầu hoặc các quyết định đầu tư điều chỉnh quy định tại các quyết định giao kế hoạch vốn đầu tư phát triển nguồn NSNN và trái phiếu Chính phủ năm 2012 và năm 2013 (dưới đây gọi tắt là *quyết định đầu tư được Thủ tướng Chính phủ cho phép*):**

a) Đối với các dự án do các bộ, ngành cơ quan Trung ương quản lý: các bộ, ngành chịu trách nhiệm huy động các nguồn vốn khác để thực hiện đối với phần điều chỉnh tăng tổng mức đầu tư so với quyết định đầu tư được Thủ tướng Chính phủ cho phép. Trường hợp dự án cấp thiết cần phải điều chỉnh tăng tổng mức đầu tư, nhưng không có khả năng huy động các nguồn vốn khác để thực hiện, cần cân đối kế hoạch vốn NSNN hàng năm để thực hiện phần điều chỉnh tăng tổng mức đầu tư báo cáo Thủ tướng Chính phủ xem xét, quyết định.

b) Các dự án đầu tư do địa phương quản lý: các địa phương chịu trách nhiệm bố trí vốn ngân sách địa phương và huy động các nguồn vốn khác để

thực hiện đối với phân điều chỉnh tăng tổng mức đầu tư so với quyết định đầu tư được Thủ tướng Chính phủ cho phép. Cụ thể:

- Đối với các dự án sử dụng vốn Ngân sách Trung ương: Ngân sách Trung ương chỉ hỗ trợ tối đa theo tỷ lệ quy định tại Quyết định số 60/2010/QĐ-TTg ngày 30 tháng 9 năm 2010 của Thủ tướng Chính phủ về các nguyên tắc tiêu chí theo tổng mức đầu tư tại quyết định đầu tư đã được Thủ tướng Chính phủ cho phép.

- Đối với các dự án sử dụng vốn trái phiếu Chính phủ: Ngân sách Trung ương không hỗ trợ cho phân điều chỉnh tăng tổng mức đầu tư do tăng quy mô theo quyết định đầu tư được Thủ tướng Chính phủ cho phép; không hỗ trợ cho phân điều chỉnh tăng tổng mức đầu tư (bao gồm phân điều chỉnh tăng do biến động giá nguyên, nhiên, vật liệu; chính sách tiền lương và chi phí giải phóng mặt bằng) so với quyết định đầu tư được Thủ tướng Chính phủ cho phép.

**2. Đối với các dự án sử dụng vốn Ngân sách Trung ương và vốn trái phiếu Chính phủ đã phê duyệt Quyết định đầu tư điều chỉnh** (tính đến trước ngày ban hành Chỉ thị số 14/CT-TTg của Thủ tướng Chính phủ) tăng tổng mức đầu tư theo ý kiến thẩm định của Bộ Kế hoạch và Đầu tư, Bộ Tài chính chấp thuận hỗ trợ Ngân sách Trung ương, nhưng Quyết định đầu tư điều chỉnh này chưa được giao trong các quyết định giao vốn đầu tư nguồn NSNN và trái phiếu Chính phủ kế hoạch năm 2012 và năm 2013: các bộ, ngành và địa phương chịu trách nhiệm cân đối nguồn vốn ngân sách của bộ, ngành và địa phương và huy động các nguồn vốn khác để thực hiện phân điều chỉnh tăng tổng mức đầu tư so với quyết định đầu tư đã được Thủ tướng Chính phủ chấp thuận. Trường hợp không cân đối được các nguồn vốn khác, đề xuất các giải pháp xử lý; đồng thời lập danh mục và nhu cầu hỗ trợ nguồn vốn ngân sách trung ương gửi Bộ Kế hoạch và Đầu tư, Bộ Tài chính tổng hợp báo cáo Thủ tướng Chính phủ.

**3. Ngân sách Trung ương, bao gồm kế hoạch vốn hàng năm, ứng trước kế hoạch năm sau, dự phòng ngân sách trung ương và các nguồn vốn ngân sách trung ương khác không bố trí vốn** cho các dự án khởi công mới chưa được thẩm định nguồn vốn; phê duyệt quyết định đầu tư không đúng theo văn bản thẩm định nguồn vốn của Bộ Kế hoạch và Đầu tư và các dự án chuyển tiếp điều chỉnh tổng mức đầu tư theo các quy định tại Mục I nêu trên.

## **B. CÁC GIẢI PHÁP QUY ĐỊNH BỔ SUNG TRONG TRIỂN KHAI THỰC HIỆN KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN NGUỒN NSNN VÀ TRÁI PHIẾU CHÍNH PHỦ NĂM 2013**

**1. Tập trung đẩy nhanh tiến độ thi công và giải ngân vốn đầu tư phát triển**, đặc biệt là nguồn vốn đầu tư từ NSNN, vốn trái phiếu Chính phủ, vốn các chương trình mục tiêu quốc gia, vốn ODA.

### **2. Thu hồi về ngân sách trung ương đối với:**

a) Số vốn đầu tư nguồn Ngân sách trung ương kế hoạch năm 2013 tính đến hết ngày 30 tháng 6 năm 2013 chưa phân bổ và giao kế hoạch tới các đơn vị cơ sở.

b) Số vốn đầu tư nguồn Ngân sách trung ương kế hoạch năm 2013 tính đến hết ngày 30 tháng 6 năm 2013 phân bổ không đúng quy định.

c) Số vốn đầu tư nguồn Ngân sách trung ương kế hoạch năm 2013 phân bổ cho các dự án khởi công mới nhưng tính đến hết ngày 30 tháng 6 năm 2013 chưa hoàn thành các thủ tục đầu tư, chưa tổ chức đấu thầu hoặc triển khai thực hiện.

**3. Hạn chế tối đa việc kéo dài thời gian thực hiện các khoản vốn đầu tư từ NSNN, vốn trái phiếu Chính phủ kế hoạch năm 2013 sang năm 2014.**

**4. Hạn chế tối đa việc đề xuất các khoản ứng trước vốn đầu tư nguồn NSNN và trái phiếu Chính phủ kế hoạch năm 2014.**

Hiện nay số vốn ứng trước của các bộ, ngành và địa phương chưa có nguồn để hoàn trả là rất lớn. Để bảo đảm an ninh tài chính quốc gia và phù hợp với khả năng cân đối NSNN để hoàn trả các khoản vốn ứng trước trong các năm tới, đề nghị các bộ, ngành và địa phương thực hiện nghiêm các quy định về ứng trước vốn NSNN đã được quy định trong các Nghị quyết của Quốc hội, Nghị quyết của Chính phủ, Chỉ thị số 09/CT-TTg và Thông báo số 196/TB-VPCP. Cụ thể:

### **a) Đối với vốn đầu tư nguồn NSNN**

Chỉ đề xuất cấp có thẩm quyền cho phép ứng trước những dự án thật sự cấp bách, đã giải ngân hết kế hoạch vốn năm 2013; xác định rõ khả năng cân đối nguồn vốn kế hoạch năm 2014 để hoàn trả các khoản vốn ứng trước này.

b) Đối với nguồn vốn ngân sách Trung ương

- Chỉ đề xuất Thủ tướng Chính phủ cho phép ứng trước đối với các dự án thật sự cần thiết, cấp bách, đã giải ngân hết kế hoạch vốn năm 2013 được giao, nhưng cần ứng trước vốn để đẩy nhanh tiến độ hoàn thành sớm đưa vào sử dụng.

- Mức vốn đề xuất ứng trước phải phù hợp với mức vốn kế hoạch đầu tư trung hạn 2014-2015 nguồn ngân sách trung ương được các bộ, cơ quan, địa phương dự kiến phân bổ cho từng dự án cụ thể.

- Chịu trách nhiệm bố trí vốn để thu hồi các khoản ứng trước nêu trên trong kế hoạch vốn đầu tư phát triển nguồn NSNN năm 2014.

c) Đối với nguồn trái phiếu Chính phủ

- Chỉ đề xuất Thủ tướng Chính phủ cho phép ứng trước đối với các dự án thật sự cần thiết, cấp bách, đã giải ngân hết kế hoạch vốn năm 2013 được giao, nhưng cần đẩy nhanh tiến độ hoàn thành sớm đưa vào sử dụng.

- Mức vốn đề xuất ứng trước không được vượt quá mức vốn kế hoạch năm 2014-2015 còn lại của từng dự án sau khi trừ đi số vốn trái phiếu Chính phủ đã ứng trước từ năm 2011 trở về trước chưa bố trí kế hoạch các năm trước để thu hồi (nếu có).

- Chịu trách nhiệm bố trí vốn để thu hồi các khoản ứng trước nêu trên trong kế hoạch vốn trái phiếu Chính phủ năm 2014.

**C. XÂY DỰNG KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ TỪ NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC NĂM 2014**

**I. Đánh giá tình hình thực hiện kế hoạch đầu tư phát triển nguồn NSNN giai đoạn 2011-2013 và năm 2013**

Các bộ, cơ quan ngang bộ, các cơ quan khác ở Trung ương, Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương, các tập đoàn kinh tế, tổng công ty nhà nước, các đơn vị sử dụng vốn đầu tư từ NSNN tổ chức đánh giá tình hình thực hiện kế hoạch đầu tư từ ngân sách nhà nước giai đoạn 2011-2013 và năm 2013 theo các nội dung dưới đây:

1. Tập trung đánh giá tình hình và kết quả thực hiện Chỉ thị số 1792/CT-TTg ngày 15 tháng 10 năm 2011 về tăng cường quản lý đầu tư từ vốn NSNN và vốn trái phiếu Chính phủ. Trong đó, nêu rõ:

a) Những kết quả cụ thể trong việc thực hiện các nguyên tắc bố trí vốn tập trung cho các dự án trong giai đoạn 2011-2013, gồm: thanh toán nợ



XDCB; bố trí vốn cho các dự án hoàn thành các năm trước và trong năm kế hoạch; số dự án chuyển tiếp phải giãn hoãn, bố trí vốn đến điểm dừng kỹ thuật. Số dự án chuyển đổi hình thức đầu tư; số dự án khởi công mới. Các kết quả nói trên phải có phân tích, so sánh giữa các năm, trước thời điểm ban hành Chỉ thị số 1792/CT-TTg và sau thời điểm ban hành Chỉ thị số 1792/CT-TTg.

b) Những kết quả trong việc bố trí vốn NSNN kế hoạch năm 2013 so với các năm trước: số dự án hoàn thành trước 31 tháng 12 năm 2012; hoàn thành năm 2013; số dự án chuyển tiếp phải giãn hoãn, bố trí vốn đến điểm dừng kỹ thuật. Số dự án chuyển đổi hình thức đầu tư; số dự án khởi công mới. Các kết quả nói trên phải có phân tích, so sánh với năm 2012.

2. Tình hình thực hiện kế hoạch đầu tư từ NSNN 6 tháng đầu năm 2013 và ước thực hiện cả năm 2013 theo từng ngành, lĩnh vực và các dự án cụ thể.

3. Tình hình triển khai thực hiện Chỉ thị số 27/CT-TTg ngày 10 tháng 10 năm 2012 về những giải pháp chủ yếu khắc phục tình trạng nợ đọng xây dựng cơ bản tại các địa phương.

4. Kết quả huy động và sử dụng các nguồn vốn đầu tư khác quản lý qua ngân sách, như: xổ số kiến thiết, một số loại phí trong 6 tháng đầu năm và ước thực hiện cả năm 2013.

5. Những tồn tại, hạn chế trong việc xây dựng và thực hiện kế hoạch đầu tư; giữa yêu cầu quản lý tập trung thống nhất và tạo sự chủ động của các cấp, các ngành và cơ sở quy định tại Chỉ thị số 1792/CT-TTg của Thủ tướng Chính phủ.

## **II. Nguyên tắc, tiêu chí bố trí kế hoạch đầu tư phát triển nguồn NSNN năm 2014**

Trên cơ sở nhu cầu và khả năng cân đối nguồn vốn đầu tư phát triển nguồn NSNN giai đoạn 2014-2015; căn cứ những đặc điểm, điều kiện thực tế trong từng ngành, từng địa phương để sắp xếp thứ tự ưu tiên trong đầu tư và thực hiện theo các nguyên tắc, tiêu chí dưới đây:

1. Kế hoạch đầu tư năm 2014 phải nhằm góp phần thực hiện các mục tiêu và các định hướng phát triển kinh tế xã hội 5 năm 2011 - 2015 trong phạm vi cả nước, trong từng ngành, từng lĩnh vực và từng vùng, từng địa phương. Gắn việc xây dựng Kế hoạch đầu tư năm 2014 với việc thực hiện tái cơ cấu nền kinh tế và xây dựng hệ thống kết cấu hạ tầng đồng bộ.

2. Xác định rõ mục tiêu và các mục tiêu ưu tiên trong kế hoạch đầu tư năm 2014 phù hợp với khả năng cân đối vốn đầu tư từ ngân sách nhà nước giai đoạn 2014-2015. Các bộ, ngành, địa phương phải căn cứ vào các mục tiêu và định hướng phát triển chung của cả nước trong 5 năm 2011 - 2015, khả năng cân đối nguồn vốn đầu tư phát triển thuộc NSNN và các nguồn vốn khác giai đoạn 2014-2015; những đặc điểm, điều kiện thực tế trong từng ngành, từng địa phương để xác định mục tiêu và sắp xếp thứ tự ưu tiên trong đầu tư. Trên phạm vi cả nước, trong năm tới tập trung đầu tư nhằm hướng tới thực hiện bước đột phá trong xây dựng cơ sở hạ tầng. Ưu tiên bố trí vốn cho các dự án quan trọng quốc gia, các chương trình mục tiêu quốc gia, các dự án thuộc lĩnh vực giao thông, thủy lợi, phát triển nông nghiệp nông thôn, xây dựng nông thôn mới, mạng lưới điện, phát triển đô thị, phát triển nguồn nhân lực, tạo việc làm, giảm nghèo, y tế, bảo vệ môi trường và phát triển bền vững; các vùng miền núi, vùng đồng bào dân tộc thiểu số, vùng sâu, vùng xa và các vùng khó khăn khác,...

3. Phải bảo đảm cân đối giữa nhu cầu đầu tư với khả năng bố trí vốn ngân sách nhà nước và khả năng huy động các nguồn vốn nhà nước khác và các nguồn vốn bổ sung của các thành phần kinh tế để xây dựng kết cấu hạ tầng kinh tế xã hội.

4. Kế hoạch đầu tư năm 2014 phải được xây dựng trên cơ sở cơ cấu lại đầu tư từ NSNN theo hướng tập trung, khắc phục dàn trải, nâng cao hiệu quả đầu tư theo quy định tại Chỉ thị số 1792/CT-TTg ngày 15 tháng 10 năm 2011 về tăng cường quản lý đầu tư từ vốn ngân sách nhà nước và vốn trái phiếu Chính phủ. Thực hiện nguyên tắc tập trung thống nhất trong việc xác định các mục tiêu, định hướng, chính sách và các cân đối lớn trong đầu tư.

5. Việc phân bổ vốn đầu tư từ ngân sách nhà nước năm 2014 cho các dự án phải quán triệt các nguyên tắc sau:

- Thực hiện theo đúng quy định tại Chỉ thị số 1792/CT-TTg ngày 15 tháng 10 năm 2011 của Thủ tướng Chính phủ về tăng cường quản lý đầu tư từ ngân sách nhà nước và trái phiếu Chính phủ và Chỉ thị số 27/CT-TTg ngày 10 tháng 10 năm 2012 về những giải pháp chủ yếu khắc phục tình trạng nợ đọng xây dựng cơ bản tại các địa phương.

- Tập trung bố trí vốn đầu tư từ ngân sách nhà nước để hoàn thành và đẩy nhanh tiến độ các dự án quan trọng quốc gia, các chương trình mục tiêu quốc gia, các dự án trọng điểm có ý nghĩa lớn đối với phát triển kinh tế-xã hội của đất nước, của các ngành, các địa phương.

- Trong từng ngành, lĩnh vực, ưu tiên bố trí vốn cho các dự án, công trình đã hoàn thành và đã bàn giao đưa vào sử dụng tính đến ngày 31 tháng 12 năm 2013 nhưng chưa bố trí đủ vốn; thanh toán nợ xây dựng cơ bản; các dự án dự kiến hoàn thành năm 2014 (theo tiến độ trong quyết định đầu tư, khả năng cân đối vốn và khả năng thực hiện trong năm 2014); vốn đối ứng cho các dự án ODA theo tiến độ thực hiện dự án; các dự án sử dụng vốn trái phiếu Chính phủ giai đoạn 2012-2015 nhưng chưa được bố trí đủ vốn để hoàn thành, phát huy hiệu quả.

- Bố trí đủ vốn để thu hồi các khoản vốn ứng trước đến thời gian hoàn trả ngân sách nhà nước để giảm gánh nặng nợ cho ngân sách nhà nước.

- Số vốn còn lại bố trí cho các dự án chuyển tiếp thực hiện theo tiến độ được phê duyệt và thanh toán nợ xây dựng cơ bản. Đối với các dự án chuyển tiếp cần rà soát phạm vi, quy mô đầu tư phù hợp với mục tiêu và khả năng cân đối vốn. Việc bố trí vốn phải đảm bảo dự án nhóm C hoàn thành trong 3 năm, nhóm B hoàn thành trong 5 năm.

- Đối với các dự án khởi công mới, phải cân nhắc kỹ lưỡng, chỉ bố trí vốn khởi công mới các dự án thật sự cấp bách khi:

+ Đã bố trí đủ vốn để xử lý nợ đọng xây dựng cơ bản theo quy định tại Chỉ thị số 27/CT-TTg ngày 10 tháng 10 năm 2012 của Thủ tướng Chính phủ.

+ Dự án nằm trong quy hoạch đã được duyệt, thuộc nhiệm vụ ngân sách nhà nước.

+ Xác định rõ nguồn vốn và khả năng cân đối vốn ở từng cấp ngân sách.

+ Quyết định phê duyệt dự án và thẩm định nguồn vốn theo đúng quy định tại Chỉ thị số 1792/CT-TTg ngày 15 tháng 10 năm 2011 của Thủ tướng Chính phủ.

+ Dự án phải hoàn thành các thủ tục đầu tư theo quy định trước ngày 31 tháng 10 năm 2013.

- Không bố trí vốn đầu tư từ ngân sách nhà nước cho các dự án không thuộc nhiệm vụ chi đầu tư theo quy định của Luật Ngân sách nhà nước.

- Các địa phương không được sử dụng vốn hỗ trợ có mục tiêu nguồn ngân sách trung ương cho các dự án khởi công mới chưa được thẩm định nguồn vốn; phê duyệt quyết định đầu tư không đúng theo văn bản thẩm định nguồn vốn của Bộ Kế hoạch và Đầu tư; không bố trí vốn ngân sách trung ương cho các dự án sử dụng vốn vay ngân sách địa phương chưa thẩm định

vốn hoặc phê duyệt phân vốn ngân sách trung ương cao hơn mức đã thẩm định.

- Các bộ, ngành và địa phương không được bố trí vốn ngân sách trung ương cho phân tăng tổng mức đầu tư so với quyết định đầu tư quy định tại các quyết định giao vốn đầu tư phát triển nguồn NSNN và trái phiếu Chính phủ của Thủ tướng Chính phủ.

6. Việc phân bổ vốn thực hiện theo đúng các quy định tại Quyết định số 60/2010/QĐ-TTg ngày 30/9/2010 của Thủ tướng Chính phủ về các nguyên tắc, tiêu chí và định mức phân bổ vốn đầu tư phát triển bằng nguồn ngân sách nhà nước giai đoạn 2011-2015.

7. Bảo đảm tính công bằng, công khai, minh bạch trong việc xây dựng kế hoạch đầu tư năm 2014.

8. Trong quá trình xây dựng kế hoạch đầu tư phải tổ chức thảo luận lấy ý kiến các cấp, các tổ chức và cộng đồng dân cư có liên quan, trình cấp có thẩm quyền phê duyệt tạo sự đồng thuận và phát triển bền vững.

### **III. Xây dựng danh mục và bố trí vốn NSNN cho từng dự án kế hoạch năm 2014**

**1. Đối với các dự án sử dụng vốn đầu tư từ ngân sách trung ương,** bao gồm vốn đầu tư cho các bộ, ngành ở Trung ương, vốn bổ sung có mục tiêu của Ngân sách Trung ương cho các địa phương:

Căn cứ mục tiêu, định hướng, nguyên tắc và khả năng cân đối vốn đầu tư nêu trên, các bộ, ngành, địa phương dự kiến danh mục dự án và mức vốn cho từng dự án theo đúng các nguyên tắc nêu tại Mục II nêu trên.

**2. Đối với các dự án sử dụng vốn cân đối ngân sách của địa phương,** vốn xổ số kiến thiết và các nguồn vốn có tính chất ngân sách nhà nước

Căn cứ các quy định tại Chỉ thị số 13/CT-TTg ngày 25 tháng 6 năm 2013, dự kiến khả năng cân đối nguồn vốn đầu tư từ các nguồn vốn trên và văn bản hướng dẫn này, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương chịu trách nhiệm tổ chức rà soát và dự kiến phương án bố trí vốn đầu tư trong cân đối ngân sách địa phương, vốn xổ số kiến thiết (bao gồm cả danh mục các dự án khởi công mới) năm 2014 phù hợp với kế hoạch đầu tư trung hạn của địa phương trình Hội đồng nhân dân cùng cấp quyết định theo đúng các nguyên tắc quy định tại Mục II nêu trên, bảo đảm bố trí vốn tập trung và nâng cao hiệu quả sử dụng vốn đầu tư.

### **3. Xử lý đối với các dự án chuyển tiếp không bố trí được kế hoạch vốn ngân sách nhà nước năm 2014**

Đối với các dự án đang được đầu tư từ vốn ngân sách nhà nước, nhưng không bố trí được vốn kế hoạch đầu tư năm 2014 thực hiện phân loại và xử lý như sau:

- Đối với các dự án có khả năng chuyển đổi sang các hình thức đầu tư khác: các bộ, ngành, địa phương đánh giá, phân tích và lập danh mục các dự án có khả năng chuyển đổi sang các hình thức đầu tư khác như: BOT, BT, PPP,...

- Đối với các dự án không thể chuyển đổi được sang các hình thức đầu tư khác, các bộ, ngành và địa phương:

+ Điều chỉnh, cắt giảm các hạng mục đầu tư, điều chỉnh giảm tổng mức đầu tư bảo đảm phù hợp với khả năng cân đối nguồn vốn.

+ Chủ động huy động các nguồn vốn hợp pháp khác để thực hiện hoặc bố trí vốn để thanh toán khối lượng đã thực hiện và thi công đến điểm dừng kỹ thuật hợp lý để phát huy hiệu quả phần vốn đã đầu tư.

## **D. XÂY DỰNG KẾ HOẠCH VỐN TRÁI PHIẾU CHÍNH PHỦ NĂM 2014**

### **I. Đánh giá tình hình thực hiện kế hoạch vốn trái phiếu Chính phủ giai đoạn 2012-2013 và năm 2013**

Các bộ, ngành, các địa phương tổ chức đánh giá tình hình thực hiện kế hoạch đầu tư từ vốn trái phiếu Chính phủ giai đoạn 2012-2013, trong đó đánh giá chi tiết tình hình thực hiện kế hoạch năm 2012, 6 tháng đầu năm 2013 và ước thực hiện kế hoạch năm 2013, gồm:

1. Báo cáo tình hình rà soát và điều chỉnh giảm quy mô dự án và giảm tổng mức đầu tư tương ứng đối với danh mục các dự án sử dụng vốn trái phiếu Chính phủ phù hợp với kế hoạch vốn trái phiếu Chính phủ giai đoạn 2012-2015 đã được Thủ tướng Chính phủ giao và huy động các nguồn vốn khác để thực hiện. Trong đó tách riêng phần tổng mức đầu tư đối với các hạng mục chưa khởi công phải giãn hoãn tiến độ thực hiện sang giai đoạn sau.

2. Tình hình thực hiện và giải ngân kế hoạch vốn trái phiếu Chính phủ các năm 2012-2013, trong đó chi tiết tình hình thực hiện và giải ngân 6 tháng đầu năm và ước thực hiện cả năm 2013.

3. Tình hình huy động các nguồn vốn đầu tư khác năm 2013 để bổ sung cho các dự án sử dụng vốn trái phiếu Chính phủ chưa được bố trí đủ vốn.

4. Tình hình thực hiện và giải ngân các dự án được Thủ tướng Chính phủ cho phép ứng trước vốn trái phiếu Chính phủ nhưng chưa bố trí kế hoạch thu hồi.

5. Những kết quả đạt được và các tồn tại hạn chế trong việc thực hiện kế hoạch vốn trái phiếu Chính phủ năm 2012, thực hiện 6 tháng và dự kiến cả năm 2013.

## **II. Dự kiến điều chỉnh kế hoạch vốn trái phiếu Chính phủ giai đoạn 2012-2015**

Trên cơ sở kế hoạch vốn trái phiếu Chính phủ giai đoạn 2012-2015 và tình hình thực hiện kế hoạch năm 2012 và ước thực hiện cả năm 2013, bộ, ngành và địa phương nào có nhu cầu điều chỉnh kế hoạch vốn trái phiếu Chính phủ giữa các dự án trong từng ngành, lĩnh vực tổng hợp đề xuất gửi Bộ Kế hoạch và Đầu tư, Bộ Tài chính để tổng hợp báo cáo Thủ tướng Chính phủ theo nguyên tắc sau:

a) Chỉ được phép điều chỉnh mức vốn trái phiếu Chính phủ:

- Cho các dự án thuộc danh mục sử dụng vốn trái phiếu Chính phủ giai đoạn 2012-2015 đã được Thủ tướng Chính phủ giao.

- Đã bố trí đủ vốn để thu hồi các khoản vốn trái phiếu Chính phủ đã được Thủ tướng Chính phủ cho ứng trước từ năm 2011 trở về trước, nhưng chưa bố trí kế hoạch các năm sau để thu hồi.

b) Mức vốn trái phiếu Chính phủ điều chỉnh giữa các dự án không được vượt quá tổng mức vốn trái phiếu Chính phủ giai đoạn 2012-2015 theo từng ngành, lĩnh vực đã được Thủ tướng Chính phủ giao.

c) Không được phép điều chỉnh mức vốn trái phiếu Chính phủ giai đoạn 2012-2015:

- Cho phần điều chỉnh tăng quy mô hoặc điều chỉnh tăng tổng mức đầu tư so với quyết định đầu tư được Thủ tướng Chính phủ cho phép.

- Điều chỉnh mức vốn của dự án thuộc ngành, lĩnh vực này sang dự án thuộc ngành, lĩnh vực khác.

d) Việc điều chỉnh mức vốn phải bảo đảm hiệu quả đầu tư, mục tiêu đầu tư, không gây thất thoát, lãng phí.

## **III. Dự kiến kế hoạch vốn trái phiếu Chính phủ năm 2014**

Trên cơ sở kế hoạch vốn trái phiếu Chính phủ giai đoạn 2012-2015 đã được Thủ tướng Chính phủ giao và tình hình thực hiện kế hoạch năm 2012-

2013, các bộ và địa phương dự kiến kế hoạch vốn trái phiếu Chính phủ năm 2014 theo hướng:

a) Ưu tiên bố trí vốn cho các dự án hoàn thành tính đến ngày 31 tháng 12 năm 2013;

b) Các dự án dự kiến hoàn thành năm 2013, dự kiến hoàn thành năm 2014 (theo tiến độ trong quyết định đầu tư).

c) Bố trí đủ nguồn vốn trái phiếu Chính phủ kế hoạch năm 2014 để thu hồi các khoản vốn trái phiếu Chính phủ được Thủ tướng Chính phủ cho phép ứng trước trong năm 2013. Riêng đối với số vốn trái phiếu Chính phủ được Thủ tướng Chính phủ cho phép ứng trước từ năm 2011 trở về trước, nhưng chưa bố trí vốn kế hoạch năm 2012, 2013 để thu hồi; trong năm 2014 để tập trung nguồn vốn trái phiếu Chính phủ đẩy nhanh tiến độ các dự án đã thực hiện, các bộ, ngành và địa phương không bố trí kế hoạch vốn trái phiếu năm 2014 để thu hồi các khoản vốn trái phiếu Chính phủ ứng trước này.

d) Mức vốn trái phiếu Chính phủ kế hoạch năm 2014 bố trí cho từng dự án không được vượt quá số vốn kế hoạch năm 2014-2015 còn lại của từng dự án sau khi trừ đi số vốn trái phiếu Chính phủ đã ứng trước năm 2011 chưa bố trí kế hoạch các năm trước để thu hồi (nếu có).

đ) Các bộ và địa phương sử dụng nguồn vốn ngân sách nhà nước, các nguồn vốn khác của Nhà nước và huy động các nguồn vốn của các thành phần kinh tế khác để bổ sung vốn cho các dự án sử dụng vốn trái phiếu Chính phủ triển khai dở dang nhưng chưa được bố trí đủ vốn.

#### **Đ. TIẾN ĐỘ TRIỂN KHAI XÂY DỰNG KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ**

Căn cứ Chỉ thị số 13/CT-TTg ngày 25 tháng 6 năm 2013 về xây dựng Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội, dự toán ngân sách nhà nước năm 2014; Chỉ thị số 14/CT-TTg ngày 28 tháng 6 năm 2013 về tăng cường quản lý đầu tư và xử lý nợ đọng xây dựng cơ bản từ nguồn NSNN và trái phiếu Chính phủ và các quy định tại văn bản hướng dẫn này, các Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang Bộ và các cơ quan khác ở Trung ương, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương, Chủ tịch Hội đồng thành viên các tập đoàn kinh tế, tổng công ty nhà nước căn cứ chức năng, nhiệm vụ tổ chức triển khai xây dựng kế hoạch đầu tư theo tiến độ sau:

#### **I. Về dự kiến kế hoạch đầu tư phát triển thuộc nguồn ngân sách nhà nước năm 2014; Kế hoạch đầu tư từ trái phiếu Chính phủ năm 2014**

1. Các bộ, ngành và địa phương tổ chức đánh giá tình hình thực hiện kế hoạch đầu tư nguồn vốn NSNN và trái phiếu Chính phủ theo các hướng dẫn nêu trên và dự kiến kế hoạch đầu tư phát triển thuộc nguồn ngân sách nhà nước năm 2014; Kế hoạch đầu tư từ trái phiếu Chính phủ năm 2014 gửi Bộ Kế hoạch và Đầu tư (2 bản), Bộ Tài chính, Kiểm toán Nhà nước theo quy định tại Chỉ thị số 13/CT-TTg ngày 23 tháng 6 năm 2013.

2. Trong tháng 8 năm 2013, Bộ Kế hoạch và Đầu tư chủ trì, phối hợp với các bộ, cơ quan liên quan tổ chức làm việc với các bộ, cơ quan Trung ương, Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương về kế hoạch đầu tư phát triển thuộc nguồn ngân sách nhà nước năm 2014; Kế hoạch đầu tư từ trái phiếu Chính phủ năm 2014 (nếu cần thiết).

3. Trước ngày 10 tháng 9 năm 2013, căn cứ kết quả thảo luận tại điểm 2 nêu trên, các bộ, ngành và địa phương hoàn chỉnh dự kiến kế hoạch đầu tư phát triển nguồn ngân sách nhà nước năm 2014 gửi Bộ Kế hoạch và Đầu tư (2 bản), Bộ Tài chính, Kiểm toán Nhà nước.

4. Bộ Kế hoạch và Đầu tư tổng hợp kế hoạch đầu tư từ NSNN và trái phiếu Chính phủ năm 2014 trình Chính phủ trong tháng 9 năm 2013.

5. Trước ngày 31 tháng 10 năm 2013, căn cứ kế hoạch đầu tư phát triển trình Quốc hội, Bộ Kế hoạch và Đầu tư thông báo dự kiến mức kế hoạch đầu tư nguồn ngân sách nhà nước năm 2014; kế hoạch đầu tư vốn trái phiếu Chính phủ năm 2014 cho các bộ, ngành, địa phương.

6. Từ ngày 1 tháng 11 năm 2013 đến ngày 20 tháng 11 năm 2013, các bộ, ngành, địa phương trên cơ sở tổng mức vốn được thông báo, dự kiến mức vốn bố trí cụ thể cho từng dự án, gửi báo cáo về Bộ Kế hoạch và Đầu tư (2 bản), Bộ Tài chính trước ngày 20 tháng 11 năm 2013.

7. Căn cứ Quyết định của Thủ tướng Chính phủ, trước ngày 20 tháng 12 năm 2013, Bộ Kế hoạch và Đầu tư giao chi tiết kế hoạch đầu tư phát triển nguồn NSNN và trái phiếu Chính phủ.

8. Trước ngày 31 tháng 12 năm 2013, các bộ, ngành và địa phương giao và thông báo kế hoạch vốn đầu tư phát triển nguồn NSNN và trái phiếu Chính phủ năm 2014 cho các cấp, các ngành và các đơn vị cơ sở triển khai thực hiện.

## **II. Về xử lý nợ đọng xây dựng cơ bản**

Đề nghị các bộ, ngành và địa phương căn cứ vào các yêu cầu và hướng dẫn nêu trên tổ chức rà soát và báo cáo tình hình nợ đọng xây dựng cơ bản



nguồn vốn NSNN và trái phiếu Chính phủ tính đến hết ngày 31 tháng 12 năm 2012 và tính đến ngày 30 tháng 6 năm 2013 gửi báo cáo về Bộ Kế hoạch và Đầu tư (2 bản), Bộ Tài chính trước ngày 30 tháng 9 năm 2013.

### **III. Về rà soát điều chỉnh tổng mức đầu tư các dự án sử dụng vốn Ngân sách Trung ương và vốn trái phiếu Chính phủ**

Căn cứ vào các yêu cầu và hướng dẫn nêu trên, đề nghị các bộ, ngành và địa phương tổ chức rà soát và báo cáo về tình hình điều chỉnh tổng mức đầu tư các dự án sử dụng vốn Ngân sách Trung ương và vốn trái phiếu Chính phủ gửi báo cáo về Bộ Kế hoạch và Đầu tư (2 bản), Bộ Tài chính trước ngày 15 tháng 9 năm 2013 (kèm theo quyết định đầu tư điều chỉnh đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt).

Ngoài nội dung báo cáo chính theo hướng dẫn tại văn bản này, đề nghị các bộ, ngành và địa phương báo cáo đầy đủ các thông tin, số liệu trong các biểu mẫu kèm theo.

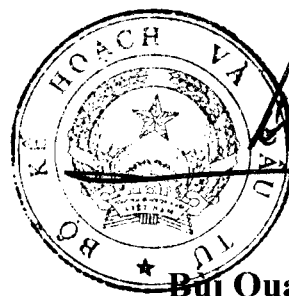
Báo cáo gửi bằng văn bản và gửi qua thư điện tử theo địa chỉ [thktqd@mpi.gov.vn](mailto:thktqd@mpi.gov.vn).

Do việc triển khai xây dựng kế hoạch đầu tư trong thời gian ngắn, khối lượng công việc khá lớn với nhiều nội dung mới, trong quá trình triển khai xây dựng kế hoạch đề nghị các bộ, ngành, địa phương phối hợp chặt chẽ, thường xuyên trao đổi với Bộ Kế hoạch và Đầu tư để quán triệt và thực hiện đúng Chỉ thị của Thủ tướng Chính phủ; tăng cường quản lý và nâng cao hiệu quả sử dụng vốn đầu tư từ NSNN và vốn trái phiếu Chính phủ. /.

**BỘ TRƯỞNG**

***Nơi nhận:***

- Như trên;
- Thủ tướng và các Phó Thủ tướng CP;
- VPCP;
- Các đ/c Lãnh đạo Bộ;
- Sở KH&ĐT các tỉnh, thành phố trực thuộc TW;
- Các đơn vị trong Bộ;
- Lưu: VT, Vụ TH (5 bản).



**Bùi Quang Vinh**



## **DANH MỤC CÁC BIỂU MẪU KÈM THEO**

*(Kèm theo văn bản số 4669/BKHĐT-TH ngày 5 tháng 7 năm 2013)*

### **I. Vốn Ngân sách nhà nước**

#### **1. Các bộ, ngành, cơ quan Trung ương, các tập đoàn kinh tế, tổng công ty nhà nước báo cáo:**

- Biểu mẫu số 1: Tổng hợp tình hình giao và thực hiện kế hoạch đầu tư phát triển nguồn NSNN giai đoạn 2011-2013 của các bộ, ngành, cơ quan Trung ương.
- Biểu mẫu số 2: Tình hình thực hiện kế hoạch đầu tư phát triển nguồn NSNN (vốn trong nước) năm 2013 và dự kiến kế hoạch năm 2014.
- Biểu mẫu số 3: Tình hình thực hiện các dự án đầu tư từ vốn ODA (vay, viện trợ) nguồn NSNN kế hoạch năm 2013 và dự kiến kế hoạch năm 2014.
- Biểu mẫu số 4: Tình hình thực hiện kế hoạch năm 2013 và dự kiến kế hoạch năm 2014 vốn đầu tư từ NSNN cho các khoản chi thực hiện một số nhiệm vụ cụ thể.
- Biểu mẫu số 8: Dự kiến bố trí vốn đầu tư từ NSNN kế hoạch năm 2014 để xử lý nợ đọng xây dựng cơ bản các dự án sử dụng vốn đầu tư phát triển nguồn NSNN (vốn trong nước).
- Biểu mẫu số 9: Tình hình thực hiện và giải ngân các dự án ứng trước vốn đầu tư ngân sách trung ương đến nay chưa bố trí nguồn để thu hồi.
- Biểu mẫu số 10: Tổng hợp tình hình thực hiện vốn chương trình mục tiêu quốc gia kế hoạch năm 2013; nhu cầu 2 năm 2014-2015 và năm 2014.
- Biểu mẫu số 11: Dự kiến kế hoạch giai đoạn 2014-2015 thực hiện các dự án đầu tư theo hình thức đối tác công - tư (PPP).

#### **2. Các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương báo cáo:**

- Biểu mẫu số 3: Tình hình thực hiện các dự án đầu tư từ vốn ODA (vay, viện trợ) nguồn NSNN kế hoạch năm 2013 và dự kiến kế hoạch năm 2014.
- Biểu mẫu số 4: Tình hình thực hiện kế hoạch năm 2013 và dự kiến kế hoạch năm 2014 vốn đầu tư từ NSNN cho các khoản chi thực hiện một số nhiệm vụ cụ thể.
- Biểu mẫu số 5: Ước tình hình thực hiện kế hoạch đầu tư năm 2013 và dự kiến kế hoạch năm 2014 của địa phương.

- Biểu mẫu số 6: Tổng hợp tình hình giao và thực hiện kế hoạch đầu tư phát triển nguồn NSNN giai đoạn 2011-2013 của các địa phương.
- Biểu mẫu số 7: Tình hình thực hiện các dự án đầu tư sử dụng vốn hỗ trợ có mục tiêu Ngân sách Trung ương (vốn trong nước) năm 2013 và dự kiến kế hoạch năm 2014.
- Biểu mẫu số 8: Dự kiến bố trí vốn đầu tư từ NSNN kế hoạch năm 2014 để xử lý nợ đọng xây dựng cơ bản các dự án sử dụng vốn đầu tư phát triển nguồn NSNN (vốn trong nước).
- Biểu mẫu số 9: Tình hình thực hiện và giải ngân các dự án ứng trước vốn đầu tư ngân sách trung ương đến nay chưa bố trí nguồn để thu hồi.
- Biểu mẫu số 10: Tổng hợp tình hình thực hiện vốn chương trình mục tiêu quốc gia kế hoạch năm 2013; nhu cầu 2 năm 2014-2015 và năm 2014.
- Biểu mẫu số 11: Dự kiến kế hoạch giai đoạn 2014-2015 thực hiện các dự án đầu tư theo hình thức đối tác công – tư (PPP).

## **II. Vốn trái phiếu Chính phủ**

***Các bộ: Giao thông vận tải, Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Quốc phòng, Xây dựng, Y tế và các địa phương báo cáo:***

- Biểu mẫu số 12: Ước tình hình thực hiện kế hoạch vốn trái phiếu Chính phủ năm 2013 và dự kiến kế hoạch năm 2014.
- Biểu mẫu số 13: Dự kiến bố trí vốn trái phiếu Chính phủ kế hoạch năm 2014 để xử lý nợ đọng xây dựng cơ bản các dự án sử dụng vốn trái phiếu Chính phủ giai đoạn 2012-2015.
- Biểu mẫu số 14: Tình hình thực hiện và giải ngân các dự án ứng trước vốn trái phiếu Chính phủ đến nay chưa bố trí nguồn để thu hồi.
- Biểu mẫu số 26: Dự kiến đề xuất điều chỉnh mức vốn trái phiếu Chính phủ giai đoạn 2012-2015.

## **III. Tổng hợp tình hình xử lý nợ đọng XD CB**

***Các bộ, ngành, cơ quan Trung ương, các tập đoàn kinh tế, tổng công ty nhà nước và địa phương báo cáo***

- Biểu mẫu số 15: Tổng hợp tình hình nợ đọng xây dựng cơ bản tính đến ngày 31 tháng 12 năm 2012 của các bộ, ngành và địa phương.

- Biểu mẫu số 16: Tình hình nợ đọng xây dựng cơ bản các dự án sử dụng vốn đầu tư phát triển nguồn NSNN (vốn trong nước) tính đến ngày 31 tháng 12 năm 2012.
- Biểu mẫu số 17: Tình hình nợ đọng xây dựng cơ bản các dự án sử dụng vốn trái phiếu Chính phủ tính đến ngày 31 tháng 12 năm 2012.
- Biểu mẫu số 18: Tổng hợp tình hình nợ đọng xây dựng cơ bản tính đến ngày 30 tháng 6 năm 2013 của các bộ, ngành và địa phương.
- Biểu mẫu số 19: Tình hình nợ đọng xây dựng cơ bản các dự án sử dụng vốn đầu tư phát triển nguồn NSNN (vốn trong nước) tính đến ngày 30 tháng 6 năm 2013.
- Biểu mẫu số 20: Tình hình nợ đọng xây dựng cơ bản các dự án sử dụng vốn trái phiếu Chính phủ tính đến ngày 30 tháng 6 năm 2013

#### **IV. Danh mục các dự án phải đình hoãn**

***Các bộ, ngành, cơ quan Trung ương, các tập đoàn kinh tế, tổng công ty nhà nước và địa phương báo cáo***

- Biểu mẫu số 21: Danh mục và tình hình thực hiện các dự án phải đình hoãn sử dụng vốn đầu tư phát triển nguồn NSNN (vốn trong nước).
- Biểu mẫu số 22: Danh mục và tình hình thực hiện các dự án sử dụng vốn trái phiếu Chính phủ phải đình hoãn.

#### **V. Rà soát điều chỉnh tổng mức đầu tư các dự án sử dụng vốn Ngân sách Trung ương và vốn trái phiếu Chính phủ**

***1. Các bộ, ngành, cơ quan Trung ương, các tập đoàn kinh tế, tổng công ty nhà nước báo cáo***

- Biểu mẫu số 23: Danh mục các dự án sử dụng kế hoạch đầu tư phát triển nguồn NSNN (vốn trong nước) không điều chỉnh tổng mức đầu tư ban đầu, nhưng không cân đối được nguồn vốn NSNN năm 2014 để thực hiện.
- Biểu mẫu số 25: Danh mục các dự án sử dụng vốn trái phiếu Chính phủ giai đoạn 2012-2015 điều chỉnh cắt giảm hạng mục, giảm tổng mức đầu tư theo mức vốn trái phiếu Chính phủ được giao.

***2. Các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương báo cáo***

- Biểu mẫu số 24: Danh mục các dự án đầu tư sử dụng vốn hỗ trợ có mục tiêu NSTW (vốn trong nước) không điều chỉnh tổng mức đầu tư ban đầu, nhưng không cân đối được nguồn vốn NSTW kế hoạch năm 2014 để thực hiện.

- Biểu mẫu số 25: Danh mục các dự án sử dụng vốn trái phiếu Chính phủ giai đoạn 2012-2015 điều chỉnh cắt giảm hạng mục, giảm tổng mức đầu tư theo mức vốn trái phiếu Chính phủ được giao.

*Các biểu mẫu nêu trên có thể tải về tại địa chỉ [www.mpi.gov.vn](http://www.mpi.gov.vn)*

**Biểu mẫu số 1**

(Biểu mẫu áp dụng cho các bộ, ngành cơ quan Trung ương)

**TỔNG HỢP TÌNH HÌNH GIAO VÀ THỰC HIỆN KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN NGUỒN NSNN GIAI ĐOẠN 2011-2013 CỦA CÁC BỘ, NGÀNH CƠ QUAN TRUNG ƯƠNG**

(Biểu mẫu kèm theo văn bản số 4669/BKHĐT-TH ngày 05 tháng 7 năm 2013)

Đơn vị: Tỷ đồng

STT	Ngành, lĩnh vực	Năm 2011							Năm 2012							Năm 2013						
		Tổng số DA	KH vốn đã được TTCP giao			Giải ngân đến hết ngày 31/01/2012			Tổng số DA	KH vốn đã được TTCP giao			Giải ngân đến hết ngày 31/01/2012			Tổng số DA	KH vốn đã được TTCP giao			Ước giải ngân đến hết ngày 31/01/2014		
			Tổng số	Trong nước	Nước ngoài	Tổng số	Trong nước	Nước ngoài		Tổng số	Trong nước	Nước ngoài	Tổng số	Trong nước	Nước ngoài		Tổng số	Trong nước	Nước ngoài	Tổng số	Trong nước	Nước ngoài
1	2	3	4=(5)+(6)	5	6	7=(8)+(9)	8	9	10	11=(12)+(13)	12	13	14=(15)+(16)	15	16	17	18=(19)+(20)	19	20	21=(22)+(23)	22	23
	<b>TỔNG SỐ</b>																					
<b>I</b>	<b>CHUẨN BỊ ĐẦU TƯ</b>																					
<b>1</b>	<b>Ngành, lĩnh vực</b>																					
	Dự án .....																					
	Dự án .....																					
	.....																					
<b>2</b>	<b>Ngành, lĩnh vực</b>																					
	Dự án .....																					
	Dự án .....																					
<b>II</b>	<b>THỰC HIỆN DỰ ÁN</b>																					
<b>1</b>	<b>Ngành, lĩnh vực, chương trình ...</b>																					
a	Dự án khởi công mới																					
	- Trong đó: dự án đồng thời hoàn thành ngay trong năm kế hoạch																					
b	Dự án dự kiến hoàn thành năm kế hoạch																					
	- Trong đó: dự án đã hoàn thành các năm trước																					
c	Dự án chuyển tiếp																					
	- Trong đó: dự án bố trí đúng tiến độ (nhóm C không quá 3 năm, nhóm B không quá 5 năm)																					
d	Dự án dừng không bố trí vốn																					
	Trong đó:																					
	- Dự án bố trí vốn đến điểm dừng kỹ thuật																					
	- Dự án dự kiến chuyển đổi hình thức đầu tư																					
<b>2</b>	<b>Ngành, lĩnh vực, chương trình ...</b>																					
	PHÂN LOẠI NHƯ ĐIỂM 1, MỤC II NẾU TRÊN																					

**Biểu mẫu số 2**

(Áp dụng cho các bộ, ngành, cơ quan Trung ương, các tập đoàn kinh tế và tổng công ty nhà nước)

**TÌNH HÌNH THỰC HIỆN KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN NGUỒN NSNN (VỐN TRONG NƯỚC) NĂM 2013 VÀ DỰ KIẾN KẾ HOẠCH NĂM 2014**

(Biểu mẫu kèm theo văn bản số 4669/BKHĐT-TH ngày 05 tháng 7 năm 2013)

Đơn vị: Triệu đồng

TT	Danh mục dự án	Địa điểm XD	Năng lực thiết kế	Thời gian KC-HT	QĐ đầu tư ban đầu hoặc QĐ đầu tư điều chỉnh đã được TTCP giao KH 2012, 2013		Quyết định đầu tư điều chỉnh		Năm 2013								Dự kiến kế hoạch đầu tư phát triển nguồn NSNN năm 2014		Ghi chú		
					Số quyết định ngày, tháng, năm ban hành	TMĐT		Số quyết định ngày, tháng, năm ban hành	TMĐT		Kế hoạch		Ước thực hiện từ 1/1/2013 đến 31/12/2013		Ước giải ngân từ 1/1/2013 đến 31/01/2014		Đã bố trí vốn đến hết năm 2013			Tổng số	Trong đó: thu hồi các khoản vốn ứng trước
						Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSNN		Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSNN	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSNN	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSNN	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSNN	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSNN			
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20	21	22
	<b>TỔNG SỐ</b>																				
<b>A</b>	<b>CHUẨN BỊ ĐẦU TƯ</b>																				
<b>I</b>	Ngành/ Lĩnh vực ...																				
1	Dự án ...																				
...	.....																				
<b>II</b>	Ngành/ Lĩnh vực ...																				
1	Dự án ...																				
...	.....																				
<b>B</b>	<b>THỰC HIỆN DỰ ÁN</b>																				
<b>I</b>	Ngành, Lĩnh vực/Chương trình.....																				

TT	Danh mục dự án	Địa điểm XD	Năng lực thiết kế	Thời gian KC-HT	QĐ đầu tư ban đầu hoặc QĐ đầu tư điều chỉnh đã được TTCP giao KH 2012, 2013		Quyết định đầu tư điều chỉnh		Năm 2013								Đã bố trí vốn đến hết năm 2013		Dự kiến kế hoạch đầu tư phát triển nguồn NSNN năm 2014		Ghi chú
					Số quyết định ngày, tháng, năm ban hành	TMĐT		Số quyết định ngày, tháng, năm ban hành	TMĐT		Kế hoạch		Ước thực hiện từ 1/1/2013 đến 31/12/2013		Ước giải ngân từ 1/1/2013 đến 31/01/2014		Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSNN	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSNN	
						Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSNN		Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSNN	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSNN	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSNN	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSNN					
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20	21	22
(1)	Các dự án hoàn thành, bàn giao, đi vào sử dụng trước ngày 31/12/2013																				
a	<i>Dự án nhóm A</i>																				
1	Dự án ...																				
2	Dự án ...																				
...	.....																				
b	<i>Dự án nhóm B</i>																				
1	Dự án ...																				
...	.....																				
c	<i>Dự án nhóm C</i>																				
1	Dự án ...																				
...	.....																				
(2)	Các dự án dự kiến hoàn thành năm 2014																				
a	<i>Dự án nhóm A</i>																				
1	Dự án ...																				
...	.....																				
b	<i>Dự án nhóm B</i>																				
1	Dự án ...																				



TT	Danh mục dự án	Địa điểm XD	Năng lực thiết kế	Thời gian KC HT	QĐ đầu tư ban đầu hoặc QĐ đầu tư điều chỉnh đã được TTCP giao KH 2012, 2013		Quyết định đầu tư điều chỉnh		Năm 2013								Đã bố trí vốn đến hết năm 2013		Dự kiến kế hoạch đầu tư phát triển nguồn NSNN năm 2014		Ghi chú		
					Số quyết định ngày, tháng, năm ban hành	TMĐT		Số quyết định ngày, tháng, năm ban hành	TMĐT		Kế hoạch		Ước thực hiện từ 1/1/2013 đến 31/12/2013		Ước giải ngân từ 1/1/2013 đến 31/01/2014		Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSNN	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSNN		Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSNN
						Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSNN		Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSNN	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSNN	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSNN	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSNN							
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20	21	22		
...	.....																						
<b>c</b>	<b>Dự án nhóm C</b>																						
1	Dự án ...																						
...	.....																						
<b>(3)</b>	<b>Các dự án chuyển tiếp hoàn thành sau năm 2014</b>																						
<b>a</b>	<b>Dự án nhóm A</b>																						
1	Dự án ...																						
...	.....																						
<b>b</b>	<b>Dự án nhóm B</b>																						
1	Dự án ...																						
...	.....																						
<b>c</b>	<b>Dự án nhóm C</b>																						
1	Dự án ...																						
...	.....																						
<b>(4)</b>	<b>Các dự án khởi công mới năm 2014</b>																						
<b>a</b>	<b>Dự án nhóm A</b>																						
1	Dự án ...																						
...	.....																						
<b>b</b>	<b>Dự án nhóm B</b>																						

TT	Danh mục dự án	Địa điểm XD	Năng lực thiết kế	Thời gian KC-HT	QĐ đầu tư ban đầu hoặc QĐ đầu tư điều chỉnh đã được TTCP giao KH 2012, 2013		Quyết định đầu tư điều chỉnh		Năm 2013								Đã bố trí vốn đến hết năm 2013		Dự kiến kế hoạch đầu tư phát triển nguồn NSNN năm 2014		Ghi chú
					Số quyết định ngày, tháng, năm ban hành	TMĐT		Số quyết định ngày, tháng, năm ban hành	TMĐT		Kế hoạch		Ước thực hiện từ 1/1/2013 đến 31/12/2013		Ước giải ngân từ 1/1/2013 đến 31/01/2014		Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSNN	Tổng số	Trong đó: thu hồi các khoản vốn ứng trước	
						Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSNN		Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSNN	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSNN	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSNN							
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20	21	22
1	Dự án ...																				
...	.....																				
<b>c</b>	<b>Dự án nhóm C</b>																				
1	Dự án ...																				
...	.....																				
<b>II</b>	<b>Ngành, Lĩnh vực/Chương trình.....</b>																				
...	<b>PHÂN LOẠI NHƯ TRÊN</b>																				

Biểu mẫu số 3

(Áp dụng cho các bộ, ngành, cơ quan Trung ương, các tập đoàn kinh tế và tổng công ty nhà nước và các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương có các dự án sử dụng vốn ODA)

TÌNH HÌNH THỰC HIỆN CÁC DỰ ÁN ĐẦU TƯ TỪ VỐN ODA (VAY, VIỆN TRỢ) THUỘC NGUỒN NSNN KẾ HOẠCH NĂM 2013 VÀ DỰ KIẾN KẾ HOẠCH NĂM 2014

(Biểu mẫu kèm theo văn bản số 4669/BKHĐT-TH ngày 05 tháng 7 năm 2013)

Đơn vị: Triệu đồng

TT	Danh mục công trình, dự án	Địa điểm XD	Năng lực thiết kế	Thời gian KC-HT	Quyết định đầu tư ban đầu hoặc QĐ đầu tư điều chỉnh đã được TTCP giao KH năm 2012, 2013						Quyết định đầu tư điều chỉnh						KH năm 2013			Ước thực hiện kế hoạch 2013 từ 1/1/2013 đến 31/12/2013			Ước giải ngân kế hoạch 2013 từ 1/1/2013 đến 31/01/2014			Đã bỏ tri vốn đến hết KH năm 2013			Dự kiến kế hoạch năm 2014					Ghi chú							
					Số quyết định	TMĐT				Số quyết định	TMĐT				Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó:		Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó:		Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó:		Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó:		Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó:		Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó:		Tổng số (tất cả các nguồn vốn)		Trong đó:						
						Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Vốn đối ứng <sup>(1)</sup>		Vốn nước ngoài (theo Hiệp định) <sup>(2)</sup>		Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Vốn đối ứng <sup>(1)</sup>	Vốn nước ngoài (theo Hiệp định) <sup>(2)</sup>	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)		Vốn đối ứng	Vốn nước ngoài (tính theo tiền Việt)		Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Vốn đối ứng		Vốn nước ngoài (tính theo tiền Việt)	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)		Vốn đối ứng	Vốn nước ngoài (tính theo tiền Việt)		Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Vốn đối ứng		Vốn nước ngoài (tính theo tiền Việt)	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)			Vốn đối ứng	Vốn nước ngoài (tính theo tiền Việt)	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Vốn đối ứng		Vốn nước ngoài (tính theo tiền Việt)	
							Tổng số	Trong đó: NSTW	Tính bằng ngoại tệ																													Quy đổi ra tiền Việt	Tổng số		Tính bằng ngoại tệ
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20	21	22	23	24	25	26	27	28	29	30	31	32	33	34	35	36	37	38				
	<b>TỔNG SỐ</b>																																								
<b>I</b>	<b>Ngành, Lĩnh vực/Chương trình.....</b>																																								
<b>I</b>	<b>Các dự án hoàn thành, bàn giao, đi vào sử dụng trước ngày 31/12/2013</b>																																								
<b>a</b>	<b>Dự án nhóm A</b>																																								
(1)	Dự án ...																																								
(2)	Dự án ...																																								
...	.....																																								
<b>b</b>	<b>Dự án nhóm B</b>																																								
(1)	Dự án ...																																								
...	.....																																								
<b>c</b>	<b>Dự án nhóm C</b>																																								
(1)	Dự án ...																																								
...	.....																																								
<b>2</b>	<b>Các dự án dự kiến hoàn thành năm 2014</b>																																								
<b>a</b>	<b>Dự án nhóm A</b>																																								
(1)	Dự án ...																																								
...	.....																																								
<b>b</b>	<b>Dự án nhóm B</b>																																								
(1)	Dự án ...																																								
...	.....																																								
<b>c</b>	<b>Dự án nhóm C</b>																																								
(1)	Dự án ...																																								
...	.....																																								
<b>3</b>	<b>Danh mục dự án chuyển tiếp hoàn thành sau năm 2014</b>																																								
<b>a</b>	<b>Dự án nhóm A</b>																																								
(1)	Dự án ...																																								

TT	Danh mục công trình, dự án	Địa điểm XD	Năng lực thiết kế	Thời gian KC-HT	Quyết định đầu tư ban đầu hoặc QĐ đầu tư điều chỉnh đã được TTCP giao KH năm 2012, 2013				Quyết định đầu tư điều chỉnh				KH năm 2013			Ước thực hiện kế hoạch 2013 từ 1/1/2013 đến 31/12/2013			Ước giải ngân kế hoạch 2013 từ 1/1/2013 đến 31/01/2014			Đã bố trí vốn đến hết KH năm 2013			Dự kiến kế hoạch năm 2014			Ghi chú											
					Số quyết định	TMDT				Số quyết định	TMDT				Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó:		Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó:		Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó:		Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó:		Tổng số (tất cả các nguồn vốn)		Trong đó:		Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó:							
						Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Vốn đối ứng <sup>(1)</sup>		Vốn nước ngoài (theo Hiệp định) <sup>(2)</sup>		Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Vốn đối ứng <sup>(1)</sup>	Vốn nước ngoài (theo Hiệp định) <sup>(2)</sup>	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)		Vốn đối ứng	Vốn nước ngoài (tính theo tiền Việt)		Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Vốn đối ứng		Vốn nước ngoài (tính theo tiền Việt)	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)		Vốn đối ứng	Vốn nước ngoài (tính theo tiền Việt)			Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Vốn đối ứng		Vốn nước ngoài (tính theo tiền Việt)	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Vốn đối ứng	Vốn nước ngoài (tính theo tiền Việt)	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Vốn đối ứng	Vốn nước ngoài (tính theo tiền Việt)	
							Tổng số	Trong đó: NSTW	Tính bằng ngoại tệ																														Quy đổi ra tiền Việt
b	Dự án nhóm B																																						
(1)	Dự án ...																																						
c	Dự án nhóm C																																						
(1)	Dự án ...																																						
4	Danh mục dự án khởi công mới năm 2014																																						
a	Dự án nhóm A																																						
(1)	Dự án ...																																						
b	Dự án nhóm B																																						
(1)	Dự án ...																																						
c	Dự án nhóm C																																						
(1)	Dự án ...																																						
II	Ngành, Lĩnh vực/Chương trình.....																																						
	PHÂN LOẠI NHƯ TRÊN																																						

Ghi chú:

- (1) Phần vốn đối ứng là phần vốn trong nước tính theo tiền Việt Nam đồng

- (2) Số vốn nước ngoài (tính bằng ngoại tệ, ghi rõ kèm theo đơn vị ngoại tệ), quy đổi ra Việt nam đồng theo quy định tại Hiệp định, trường hợp Hiệp định không quy đổi sang Việt nam đồng quy đổi theo tỷ giá thời điểm ký kết Hiệp định. Phần vốn bố trí kế hoạch, thực hiện và giải ngân hàng năm quy đổi theo Việt nam đồng tính đến thời điểm thanh toán.





**Biểu mẫu số 6**

(Biểu mẫu áp dụng cho các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương)

**TỔNG HỢP TÌNH HÌNH GIAO VÀ THỰC HIỆN KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN NGUỒN NSNN GIAI ĐOẠN 2011-2013 CỦA CÁC ĐỊA PHƯƠNG**

(Biểu mẫu kèm theo văn bản số 4669/BKHĐT-TH ngày 05 tháng 7 năm 2013)

Đơn vị: Tỷ đồng

STT	Nguồn vốn	Năm 2011							Năm 2012							Năm 2013							
		Tổng số DA	KH vốn đã được TTCP giao			Giải ngân đến hết ngày 31/01/2012			Tổng số DA	KH vốn đã được TTCP giao			Giải ngân đến hết ngày 31/01/2013			Tổng số DA	KH vốn đã được TTCP giao			Ước giải ngân đến hết ngày 31/01/2014			
			Tổng số	Trong nước	Nước ngoài	Tổng số	Trong nước	Nước ngoài		Tổng số	Trong nước	Nước ngoài	Tổng số	Trong nước	Nước ngoài		Tổng số	Trong nước	Nước ngoài	Số DA	Số vốn	Trong đó	
1	2	3	4=(5)+(6)	5	6	7=(8)+(9)	8	9	10	11=(12)+(13)	12	13	14=(15)+(16)	15	16	17	18=(19)+(20)	19	20	21=(22)+(23)	22	23	
	<b>TỔNG SỐ</b>																						
<b>A</b>	<b>CÂN ĐỐI NSDP</b>																						
<b>I</b>	<b>CHUẨN BỊ ĐẦU TƯ</b>																						
	Dự án.....																						
	Dự án.....																						
<b>II</b>	<b>THỰC HIỆN DỰ ÁN</b>																						
a	Dự án khởi công mới																						
	- Trong đó: dự án hoàn thành ngay trong năm kế hoạch																						
b	Dự án dự kiến hoàn thành năm kế hoạch																						
	- Trong đó: dự án đã hoàn thành các năm trước																						
c	Dự án chuyển tiếp (không bao gồm dự án bố trí vốn đến điểm dừng kỹ thuật)																						
	- Trong đó: dự án bố trí đúng tiến độ (nhóm C không quá 3 năm, nhóm B không quá 5 năm)																						
d	Dự án dừng không bố trí vốn																						
	Trong đó:																						
	- Dự án bố trí vốn đến điểm dừng kỹ thuật																						
	- Dự án dự kiến chuyển đổi hình thức đầu tư																						
<b>B</b>	<b>CÁC CHƯƠNG TRÌNH MỤC TIÊU QUỐC GIA, CHƯƠNG TRÌNH BỔ SUNG CÓ MỤC TIÊU TỪ NSTW</b>																						
<b>1</b>	<b>Chương trình .....</b>																						
a	Dự án khởi công mới																						
	- Trong đó: dự án hoàn thành ngay trong năm kế hoạch																						
b	Dự án dự kiến hoàn thành năm kế hoạch																						

STT	Nguồn vốn	Năm 2011						Năm 2012						Năm 2013									
		Tổng số DA	KH vốn đã được TTCP giao			Giải ngân đến hết ngày 31/01/2012			Tổng số DA	KH vốn đã được TTCP giao			Giải ngân đến hết ngày 31/01/2013			Tổng số DA	KH vốn đã được TTCP giao			Ước giải ngân đến hết ngày 31/01/2014			
			Tổng số	Trong nước	Nước ngoài	Tổng số	Trong nước	Nước ngoài		Tổng số	Trong nước	Nước ngoài	Tổng số	Trong nước	Nước ngoài		Tổng số	Trong nước	Nước ngoài	Số DA	Số vốn	Trong đó	
	- Trong đó: dự án đã hoàn thành các năm trước																						
c	Dự án chuyển tiếp (không bao gồm dự án bố trí vốn đến điểm dừng kỹ thuật)																						
	- Trong đó: dự án bố trí đúng tiến độ (nhóm C không quá 3 năm, nhóm B không quá 5 năm)																						
d	Dự án dừng không bố trí vốn																						
	Trong đó:																						
	- Dự án bố trí vốn đến điểm dừng kỹ thuật																						
	- Dự án dự kiến chuyển đổi hình thức đầu tư																						
2	Chương trình .....																						
	PHÂN LOẠI NHƯ ĐIỂM 1, MỤC B NÊU TRÊN																						



Biểu mẫu số 7

(Biểu mẫu áp dụng cho các tỉnh, thành phố có dự án sử dụng vốn hỗ trợ có mục tiêu từ Ngân sách Trung ương)

TÌNH HÌNH THỰC HIỆN CÁC DỰ ÁN ĐẦU TƯ SỬ DỤNG VỐN HỖ TRỢ CÓ MỤC TIÊU NSTW (VỐN TRONG NƯỚC) NĂM 2013 VÀ DỰ KIẾN KẾ HOẠCH NĂM 2014

(Biểu mẫu kèm theo văn bản số 4669/BKHĐT-TH ngày 05 tháng 7 năm 2013)

Đơn vị: Triệu đồng

TT	Danh mục dự án	Địa điểm XD	Năng lực thiết kế	Thời gian KC-HT	Quyết định đầu tư ban đầu hoặc QĐ đầu tư điều chỉnh đã được TTCP giao KH năm 2012, 2013		Quyết định đầu tư điều chỉnh			Năm 2013						Dự kiến kế hoạch năm 2014		Ghi chú				
					Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	TMĐT		Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	TMĐT		Kế hoạch		Ước thực hiện từ 1/1/2013 đến 31/12/2013		Giải ngân thực hiện từ 1/1/2013 đến 31/01/2014		Đã bố trí vốn đến hết kế hoạch năm 2013		Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSTW		
						Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSTW		Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSTW	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSTW	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSTW	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSTW	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)			Trong đó: NSTW	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSTW
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20	21	22	23
<b>TỔNG SỐ</b>																						
I	Chương trình ...																					
(1)	Các dự án hoàn thành, bàn giao, đi vào sử dụng trước ngày 31/12/2013																					
a	Dự án nhóm A																					
1	Dự án ...																					
2	Dự án ...																					
...	.....																					
b	Dự án nhóm B																					
1	Dự án ...																					
...	.....																					
c	Dự án nhóm C																					
1	Dự án ...																					
...	.....																					

TT	Danh mục dự án	Địa điểm XD	Năng lực thiết kế	Thời gian KC-HT	Quyết định đầu tư ban đầu hoặc QĐ đầu tư điều chỉnh đã được TFCP giao KH năm 2012, 2013		Quyết định đầu tư điều chỉnh				Năm 2013						Đã bố trí vốn đến hết kế hoạch năm 2013		Dự kiến kế hoạch năm 2014			Ghi chú									
					Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	TMDT		Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	TMDT		Kế hoạch		Ước thực hiện từ 1/1/2013 đến 31/12/2013		Giải ngân thực hiện từ 1/1/2013 đến 31/01/2014		Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSTW	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSTW	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)		Trong đó: NSTW	Trong đó: NSTW							
						Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSTW		Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSTW	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSTW	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSTW	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSTW								Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSTW	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSTW	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSTW	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSTW
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20	21	22	23									
(2)	Các dự án dự kiến hoàn thành năm 2014																														
a	Dự án nhóm A																														
1	Dự án ...																														
...	.....																														
b	Dự án nhóm B																														
1	Dự án ...																														
...	.....																														
c	Dự án nhóm C																														
1	Dự án ...																														
...	.....																														
(3)	Các dự án dự kiến hoàn thành sau năm 2014																														
a	Dự án nhóm A																														
1	Dự án ...																														
...	.....																														
b	Dự án nhóm B																														
1	Dự án ...																														
...	.....																														
c	Dự án nhóm C																														
1	Dự án ...																														
...	.....																														

TT	Danh mục dự án	Địa điểm XD	Năng lực thiết kế	Thời gian KC-HT	Quyết định đầu tư ban đầu hoặc QĐ đầu tư điều chỉnh đã được TTCP giao KH năm 2012, 2013		Quyết định đầu tư điều chỉnh				Năm 2013						Đã bố trí vốn đến hết kế hoạch năm 2013		Dự kiến kế hoạch năm 2014			Ghi chú
					Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	TMDT		Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	TMDT		Kế hoạch		Ước thực hiện từ 1/1/2013 đến 31/12/2013		Giải ngân thực hiện từ 1/1/2013 đến 31/01/2014		Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSTW	Trong đó: NSTW			
						Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSTW		Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSTW	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSTW	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSTW	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSTW						
																			Tổng số	Trong đó: NSTW	Tổng số	
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20	21	22	23
(4)	Các dự án khởi công mới năm 2014																					
a	Dự án nhóm A																					
1	Dự án ...																					
...	.....																					
b	Dự án nhóm B																					
1	Dự án ...																					
...	.....																					
c	Dự án nhóm C																					
1	Dự án ...																					
...	.....																					
B	Công trình ...																					
...	PHÂN LOẠI NHƯ TRÊN																					

**Biểu mẫu số 8**

(Áp dụng cho các bộ, ngành, cơ quan Trung ương, các tập đoàn kinh tế và tổng công ty nhà nước và các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương)

**DỰ KIẾN BỐ TRÍ VỐN ĐẦU TƯ NGUỒN NSNN KẾ HOẠCH NĂM 2014 ĐỂ XỬ LÝ NỢ ĐỘNG XÂY DỰNG CƠ BẢN CÁC DỰ ÁN SỬ DỤNG VỐN ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN NGUỒN NSNN (VỐN TRONG NƯỚC)**

(Biểu mẫu kèm theo văn bản số 4669/BKHĐT-TH ngày 05 tháng 7 năm 2013)

Đơn vị: Triệu đồng

TT	Danh mục dự án	Địa điểm XD	Năng lực thiết kế	Thời gian KC-HT	Quyết định đầu tư					Lũy kế vốn đã bố trí đến hết KH 2013(*)			Lũy kế khối lượng thực hiện từ KC đến 30/6/2013		Lũy kế giải ngân từ KC đến 30/6/2013			Số nợ động xây dựng cơ bản đến ngày 30/6/2013			Dự kiến bố trí KH năm 2014			Ghi chú				
					Số quyết định ngày, tháng, năm ban hành	TMĐT			Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó:		Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSNN	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó:		Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó:		Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó:							
						Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	NSTW	NSDP		Các nguồn vốn khác	NSTW				NSDP	Các nguồn vốn khác		NSTW	NSDP		Các nguồn vốn khác	NSTW	NSDP		Các nguồn vốn khác	NSTW	NSDP	Các nguồn vốn khác
<b>TỔNG SỐ</b>																												
<b>A CHUẨN BỊ ĐẦU TƯ</b>																												
<b>I Ngành/ Lĩnh vực ...</b>																												
1	Dự án ...																											
...	.....																											
<b>II Ngành/ Lĩnh vực ...</b>																												
1	Dự án ...																											
...	.....																											
<b>B THỰC HIỆN DỰ ÁN</b>																												
<b>I Ngành, lĩnh vực .....</b>																												
<b>(1) Các dự án hoàn thành, đã bàn giao</b>																												
1	Dự án ...																											
2	Dự án ...																											
...	.....																											
<b>(2) Các dự án đang triển khai thực hiện</b>																												
1	Dự án ...																											
2	Dự án ....																											

TT	Danh mục dự án	Địa điểm XD	Năng lực thiết kế	Thời gian KC-HT	Quyết định đầu tư			Lũy kế vốn đã bố trí đến hết KH 2013(*)			Lũy kế khối lượng thực hiện từ KC đến 30/6/2013		Lũy kế giải ngân từ KC đến 30/6/2013		Số nợ đọng xây dựng cơ bản đến ngày 30/6/2013			Dự kiến bố trí KH năm 2014			Ghi chú		
					Số quyết định ngày, tháng, năm ban hành	TMĐT			Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó:			Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSNN	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó:			Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó:			
						Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	NSTW	NSDP		Các nguồn vốn khác	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	NSTW				NSDP	Các nguồn vốn khác	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)		NSTW		NSDP	Các nguồn vốn khác
...	.....																						
<b>II</b>	<b>Ngành, Lĩnh vực.....</b>																						
...	<b>Phân loại như trên</b>																						
<b>C</b>	<b>ĐẦU TƯ THEO CHƯƠNG TRÌNH, NHIỆM VỤ CỤ THỂ</b>																						
<b>I</b>	<b>Chương trình .....</b>																						
(1)	<b>Các dự án hoàn thành, đã bàn giao</b>																						
1	Dự án ...																						
2	Dự án ...																						
...	.....																						
(2)	<b>Các dự án đang triển khai thực hiện</b>																						
1	Dự án ...																						
2	Dự án ....																						
...	.....																						
<b>II</b>	<b>Chương trình .....</b>																						
...	<b>Phân loại như trên</b>																						

Ghi chú: (\*) Lũy kế số vốn đã bố trí đến hết kế hoạch năm 2013 và số vốn bổ sung tính đến hết ngày 30 tháng 6 năm 2013; số vốn được cấp có thẩm quyền quyết định trước ngày 30 tháng 6 năm 2013 cho phép ứng trước kế hoạch các năm sau (đối với nguồn vốn NSTW do Thủ tướng Chính phủ quyết định; đối với nguồn vốn cân đối NSDP do cấp có thẩm quyền ở địa phương quyết định), nhưng chưa bố trí nguồn để thu hồi.

**Biểu mẫu số 9**

(Áp dụng cho các bộ và địa phương được Thủ tướng Chính phủ cho phép ứng trước vốn đầu tư NSTW nhưng chưa bố trí hoàn trả)

**TÌNH HÌNH THỰC HIỆN VÀ GIẢI NGÂN CÁC DỰ ÁN ỨNG TRƯỚC VỐN ĐẦU TƯ NGÂN SÁCH TRUNG ƯƠNG ĐẾN NAY CHƯA BỐ TRÍ NGUỒN ĐỀ THU HỒI**

(Biểu mẫu kèm theo văn bản số 4669/BKHĐT-TH ngày 05 tháng 7 năm 2013)

Đơn vị: Triệu đồng

TT	Danh mục dự án	Địa điểm XD	Năng lực thiết kế	Thời gian KC-HT	Quyết định đầu tư			Số vốn đã bố trí trong kế hoạch hàng năm (không bao gồm số vốn được Thủ tướng Chính phủ cho phép ứng trước)		Số vốn NSTW được Thủ tướng Chính phủ cho phép ứng trước	Quyết định của Thủ tướng Chính phủ cho phép ứng trước (Số QĐ, ngày, tháng, năm ban hành)	Thời gian cho phép giải ngân số vốn ứng trước (ghi rõ ngày, tháng, năm được TTCP cho phép giải ngân số ứng trước)	Giải ngân số vốn NSTW ứng trước đến hết thời gian quy định	Số vốn NSTW đã thu hồi trong kế hoạch các năm	Số vốn NSTW ứng trước còn lại chưa bố trí hoàn trả	Ghi chú
					Số QĐ; ngày, tháng, năm ban hành	TMDT	Trong đó: NSTW	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSTW							
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16=14-15	17
<b>TỔNG SỐ</b>																
I	Ngành, lĩnh vực/Chương trình.....															
(1)	Dự án ...															
(2)	Dự án ...															
...	.....															
II	Ngành, lĩnh vực/Chương trình.....															
(1)	Dự án ...															
(2)	Dự án ...															
...	.....															
III	Ngành, lĩnh vực/Chương trình.....															
...	.....															

**Biểu mẫu số 10**

(Biểu mẫu áp dụng cho bộ, ngành cơ quan trung ương và các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương)

**TỔNG HỢP TÌNH HÌNH THỰC HIỆN VỐN CHƯƠNG TRÌNH MỤC TIÊU QUỐC GIA KẾ HOẠCH NĂM 2013;  
NHU CẦU 2 NĂM 2014-2015 VÀ NĂM 2014**

(Biểu mẫu kèm theo văn bản số 4669/BKHĐT-TH ngày 05 tháng 7 năm 2013)

Đơn vị: Triệu đồng

TT	Danh mục chương trình	Kế hoạch năm 2013				Ước khối lượng thực hiện từ 01/01/2013 đến 31/12/2013				Ước giải ngân từ 01/01/2013 đến 31/01/2014				Nhu cầu 2 năm 2014-2015								Ghi chú					
		Tổng số	Trong đó: NSNN		Tổng số	Trong đó: NSNN		Tổng số	Trong đó: NSNN		Tổng số	KH 2 năm 2014-2015				KH năm 2014											
			ĐTPT			Sự nghiệp			ĐTPT			Sự nghiệp		ĐTPT		Sự nghiệp		ĐTPT		Sự nghiệp							
			Trong nước	Ngoài nước		Trong nước	Ngoài nước		Trong nước	Ngoài nước		Trong nước	Ngoài nước	Trong nước	Ngoài nước	Trong nước	Ngoài nước	Trong nước	Ngoài nước	Trong nước	Ngoài nước						
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20	21	22	23	24	25	26	27	28
	<b>TỔNG SỐ</b>																										
I	<b>Chương trình MTQG Nước sạch và vệ sinh môi trường nông thôn</b>																										
	Mục tiêu/Dự án.....																										
	Mục tiêu/Dự án.....																										
	.....																										
II	<b>Chương trình MTQG Việc làm</b>																										
	Mục tiêu/Dự án.....																										
	Mục tiêu/Dự án.....																										
	.....																										
III	<b>Chương trình MTQG Giảm nghèo bền vững</b>																										
	.....																										
IV	<b>Chương trình MTQG Phòng chống HIV/AIDS</b>																										

TT	Danh mục chương trình	Kế hoạch năm 2013				Ước khối lượng thực hiện từ 01/01/2013 đến 31/12/2013				Ước giải ngân từ 01/01/2013 đến 31/01/2014				Nhu cầu 2 năm 2014-2015								Ghi chú
		Trong đó: NSNN				Trong đó: NSNN				Trong đó: NSNN				KH 2 năm 2014-2015				KH năm 2014				
		Tổng số	ĐTPT		Sự nghiệp		Tổng số	ĐTPT		Sự nghiệp		Tổng số	ĐTPT		Sự nghiệp		Tổng số	ĐTPT		Sự nghiệp		
			Trong nước	Ngoài nước	Trong nước	Ngoài nước		Trong nước	Ngoài nước	Trong nước	Ngoài nước		Trong nước	Ngoài nước	Trong nước	Ngoài nước		Trong nước	Ngoài nước	Trong nước	Ngoài nước	
XIII	Chương trình MTQG Đưa thông tin về cơ sở miền núi, vùng sâu, vùng xa, biên giới, hải đảo																					
XIV	Chương trình MTQG Khắc phục ô nhiễm và cải thiện môi trường																					
XV	Chương trình MTQG Giáo dục và Đào tạo																					
XVI	Chương trình MTQG Dân số và kế hoạch hóa gia đình																					



**Biểu mẫu số 11**

(Biểu mẫu áp dụng cho bộ, ngành cơ quan trung ương, các tập đoàn, tổng công ty và các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương)

**DỰ KIẾN KẾ HOẠCH GIAI ĐOẠN 2014-2015 THỰC HIỆN CÁC DỰ ÁN ĐẦU TƯ THEO HÌNH THỨC ĐỐI TÁC CÔNG - TƯ**

(Biểu mẫu kèm theo văn bản số 4669/BKHĐT-TH ngày 05 tháng 7 năm 2013)

Đơn vị: Triệu đồng

TT	Danh mục dự án	Thời gian KC-HT	Tổng mức đầu tư	Dự kiến kế hoạch								Ghi chú	
				Kế hoạch 2 năm 2014-2015				Trong đó: năm 2014					
				Vốn nhà nước đóng góp vào phần tham gia của Nhà nước(*)		Vốn nhà nước chuẩn bị dự án	Vốn do nhà thầu tự huy động	Vốn nhà nước đóng góp vào phần tham gia của Nhà nước(*)		Vốn nhà nước chuẩn bị dự án	Vốn do nhà thầu tự huy động		
				NSTW hỗ trợ	NSĐP tự cân đối			NSTW hỗ trợ	NSĐP tự cân đối				
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	
	<b>TỔNG SỐ</b>												
1	Dự án ...												
2	Dự án ...												
...	.....												

Ghi chú: Trong trường hợp phần tham gia của Nhà nước bằng các tài sản vật chất thì vốn nhà nước đóng góp vào phần tham gia của Nhà nước là giá trị tài sản vật chất được lượng hóa bằng tiền

**Biểu mẫu số 12**

(Áp dụng cho các bộ và địa phương có danh mục dự án sử dụng vốn trái phiếu Chính phủ giai đoạn 2011 - 2015)

**ƯỚC TÌNH HÌNH THỰC HIỆN KẾ HOẠCH VỐN TRÁI PHIẾU CHÍNH PHỦ NĂM 2013 VÀ DỰ KIẾN KẾ HOẠCH NĂM 2014**

(Biểu mẫu kèm theo văn bản số 4669/BKHĐT-TH ngày 05 tháng 7 năm 2013)

Đơn vị: Triệu đồng

TT	Danh mục dự án	Địa điểm XD	Năng lực thiết kế	Thời gian KC-HT	QĐ đầu tư ban đầu và QĐ đầu tư điều chỉnh đã được TTCP giao KH năm 2012, 2013			Quyết định đầu tư điều chỉnh			Kế hoạch vốn TPCP đã được giao			Ước khối lượng thực hiện kế hoạch năm 2013 từ 1/1/2013 đến 31/12/2013		Dự kiến kế hoạch năm 2014		Ghi chú	
					Số QĐ; ngày, tháng, năm ban hành	TMDĐT	Trong đó: TPCP	Số QĐ; ngày, tháng, năm ban hành	TMDĐT	Trong đó: TPCP	Giai đoạn 2012-2015	Trong đó:		Tổng số	Trong đó: TPCP	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: TPCP		
												Trong đó: Kế hoạch năm 2012	Kế hoạch năm 2013				Tổng số		Dự kiến thu hồi các khoản ứng trước
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20
	<b>TỔNG SỐ</b>																		
<b>1</b>	<b>NGÀNH GIAO THÔNG</b>																		
1	Danh mục dự án hoàn thành, đã bàn giao, đi vào sử dụng trước ngày 31/12/2013																		
(1)	Dự án ...																		
(2)	Dự án ...																		
...	.....																		
<b>2</b>	<b>Danh mục dự án dự kiến hoàn thành năm 2014</b>																		
(1)	Dự án ...																		
...	.....																		

TT	Danh mục dự án	Địa điểm XD	Năng lực thiết kế	Thời gian KC-HT	QĐ đầu tư ban đầu và QĐ đầu tư điều chỉnh đã được TTCP giao KH năm 2012, 2013			Quyết định đầu tư điều chỉnh			Kế hoạch vốn TPCP đã được giao			Ước khối lượng thực hiện kế hoạch năm 2013 từ 1/1/2013 đến 31/12/2013		Dự kiến kế hoạch năm 2014		Ghi chú	
					Số QĐ; ngày, tháng, năm ban hành	TMĐT	Trong đó: TPCP	Số QĐ; ngày, tháng, năm ban hành	TMĐT	Trong đó: TPCP	Giai đoạn 2012-2015	Trong đó:		Tổng số	Trong đó: TPCP	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: TPCP		
												Trong đó: Kế hoạch năm 2012	Kế hoạch năm 2013				Tổng số		Dự kiến thu hồi các khoản ứng trước
3	Danh mục dự án dự kiến hoàn thành năm 2015																		
(1)	Dự án ...																		
	.....																		
4	Danh mục dự án hoàn thành sau năm 2015																		
(1)	Dự án ...																		
	.....																		
5	Danh mục các dự án giãn, hoãn tiến độ thực hiện, bố trí vốn để thanh toán khối lượng đã thực hiện và đến điểm dừng kỹ thuật hợp lý																		
(1)	Dự án ...																		
	.....																		
II	NGÀNH THỦY LỢI																		
	Phân loại như trên																		
III	NGÀNH Y TẾ																		
1	Bệnh viện tuyến huyện																		
	Phân loại như trên																		
2	Bệnh viện tuyến tỉnh																		

TT	Danh mục dự án	Địa điểm XD	Năng lực thiết kế	Thời gian KC-HT	QĐ đầu tư ban đầu và QĐ đầu tư điều chỉnh đã được TTCP giao KH năm 2012, 2013			Quyết định đầu tư điều chỉnh			Kế hoạch vốn TPCP đã được giao			Ước khối lượng thực hiện kế hoạch năm 2013 từ 1/1/2013 đến 31/12/2013		Dự kiến kế hoạch năm 2014		Ghi chú	
					Số QĐ; ngày, tháng, năm ban hành	TMĐT	Trong đó: TPCP	Số QĐ; ngày, tháng, năm ban hành	TMĐT	Trong đó: TPCP	Giai đoạn 2012-2015	Trong đó:		Tổng số	Trong đó: TPCP	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: TPCP		
												Trong đó: Kế hoạch năm 2012	Kế hoạch năm 2013				Tổng số		Dự kiến thu hồi các khoản ứng trước
	Phân loại như trên																		
IV	KÝ TÚC XÁ SINH VIÊN																		
	Phân loại như trên																		
V	CHƯƠNG TRÌNH KIÊN CỐ HÓA TRƯỜNG LỚP HỌC VÀ NHÀ CÔNG VỤ CHO GIÁO VIÊN																		
	Phân loại như trên																		
VI	DỰ ÁN DI DÂN TÁI ĐỊNH CƯ THỦY ĐIỆN SƠN LA																		
	Phân loại như trên																		

**Biểu mẫu số 13**

(Áp dụng cho các bộ, ngành và các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương được bố trí vốn TPCP giai đoạn 2012-2015)

**DỰ KIẾN BỐ TRÍ VỐN TPCP KẾ HOẠCH NĂM 2014 ĐỂ XỬ LÝ NỢ ĐỘNG XÂY DỰNG CƠ BẢN CÁC DỰ ÁN SỬ DỤNG VỐN TRÁI PHIẾU CHÍNH PHỦ GIAI ĐOẠN 2012-2015**

(Biểu mẫu kèm theo văn bản số 4669/BKHĐT-TH ngày 05 tháng 7 năm 2013)

Đơn vị: Triệu đồng

TT	Danh mục dự án	Địa điểm XD	Năng lực thiết kế	Thời gian KC-HT	Quyết định đầu tư				Lũy kế vốn đã bố trí đến KH 2013(*)	Lũy kế khối lượng thực hiện từ KC đến 30/6/2013		Lũy kế giải ngân từ KC đến 30/6/2013		Số nợ động xây dựng cơ bản đến ngày 30/6/2013			Dự kiến KH năm 2014		Ghi chú				
					Số quyết định ngày, tháng, năm ban hành	TMĐT		Tổng số (tất cả các nguồn vốn)		Trong đó:		Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: TPCP	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: TPCP	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó:			Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó:		
						Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó:			Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: TPCP						Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	TPCP			Các nguồn vốn khác		
							TPCP															Các nguồn vốn khác	TPCP
1	2	3	4	5	6	7= (8)+(9)	8	9	10= (11)+(12)	11	12	13	14	15= (16)+(17)	16	17	18= (13)-(10)	19= (14)-(11)	20= (18)-(19)	21= (22)+(23)	22	23	27
<b>TỔNG SỐ</b>																							
<b>I</b>	<b>Ngành, lĩnh vực .....</b>																						
(1)	<i>Các dự án hoàn thành, đã bàn giao</i>																						
1	Dự án ...																						
2	Dự án ...																						
...	.....																						
(2)	<i>Các dự án đang triển khai thực hiện</i>																						
1	Dự án ...																						
2	Dự án ....																						
...	.....																						
<b>II</b>	<b>Ngành, Lĩnh vực.....</b>																						
...	<b>Phân loại như trên</b>																						

Ghi chú: (\*) Lũy kế số vốn đã bố trí đến hết kế hoạch năm 2013; số vốn bổ sung tính đến hết ngày 30 tháng 6 năm 2013; số vốn được cấp có thẩm quyền quyết định trước ngày 30 tháng 6 năm 2013 cho phép ứng trước kế hoạch các năm sau, nhưng chưa bố trí nguồn để thu hồi (đối với vốn trái phiếu Chính phủ là số Thủ tướng Chính phủ quyết định cho ứng trước).

**Biểu mẫu số 14**

(Áp dụng cho các bộ và địa phương được Thủ tướng Chính phủ cho phép ứng trước vốn TPCP nhưng chưa bố trí vốn hoàn trả)

**TÌNH HÌNH THỰC HIỆN VÀ GIẢI NGÂN CÁC DỰ ÁN ỨNG TRƯỚC VỐN TRÁI PHIẾU CHÍNH PHỦ ĐẾN NAY CHƯA BỐ TRÍ NGUỒN ĐỀ THU HỒI**

(Biểu mẫu kèm theo văn bản số 4669/BKHĐT-TH ngày 05 tháng 7 năm 2013)

Đơn vị: Triệu đồng

TT	Danh mục dự án	Địa điểm XD	Năng lực thiết kế	Thời gian KC-HT	Quyết định đầu tư			Số vốn TPCP đã bố trí trong kế hoạch hàng năm (không bao gồm số vốn được Thủ tướng Chính phủ cho phép ứng trước)	Số vốn TPCP được Thủ tướng Chính phủ cho phép ứng trước	Quyết định của Thủ tướng Chính phủ cho phép ứng trước (Số QĐ, ngày, tháng, năm ban hành)	Thời gian cho phép giải ngân số vốn ứng trước (ghi rõ ngày, tháng, năm được TTCP cho phép giải ngân số ứng trước)	Giải ngân số vốn TPCP ứng trước đến hết thời gian quy định	Số vốn TPCP đã thu hồi trong kế hoạch các năm	Số vốn TPCP ứng trước còn lại chưa bố trí hoàn trả	Ghi chú
					Số QĐ; ngày, tháng, năm ban hành	TMĐT	Trong đó: TPCP								
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15=13-14	16
<b>TỔNG SỐ</b>															
<b>I</b>	<b>NGÀNH GIAO THÔNG</b>														
(1)	Dự án ...														
(2)	Dự án ...														
...	.....														
<b>II</b>	<b>NGÀNH THỦY LỢI</b>														
(1)	Dự án ...														
(2)	Dự án ...														
...	.....														

TT	Danh mục dự án	Địa điểm XD	Năng lực thiết kế	Thời gian KC-HT	Quyết định đầu tư			Số vốn TPCP đã bố trí trong kế hoạch hàng năm (không bao gồm số vốn được Thủ tướng Chính phủ cho phép ứng trước)	Số vốn TPCP được Thủ tướng Chính phủ cho phép ứng trước	Quyết định của Thủ tướng Chính phủ cho phép ứng trước (Số QĐ, ngày, tháng, năm ban hành)	Thời gian cho phép giải ngân số vốn ứng trước (ghi rõ ngày, tháng, năm được TTCP cho phép giải ngân số ứng trước)	Giải ngân số vốn TPCP ứng trước đến hết thời gian quy định	Số vốn TPCP đã thu hồi trong kế hoạch các năm	Số vốn TPCP ứng trước còn lại chưa bố trí hoàn trả	Ghi chú
					Số QĐ; ngày, tháng, năm ban hành	TMĐT	Trong đó: TPCP								
<b>III</b>	<b>NGÀNH Y TẾ</b>														
<b>1</b>	<b>Bệnh viện tuyến huyện</b>														
(1)	Dự án ...														
...	.....														
<b>2</b>	<b>Bệnh viện tuyến tỉnh</b>														
(1)	Dự án ...														
...	.....														
<b>IV</b>	<b>KÝ TÚC XÁ SINH VIÊN</b>														
(1)	Dự án ...														
...	.....														
<b>V</b>	<b>CHƯƠNG TRÌNH KIÊN CỐ HÓA TRƯỜNG LỚP HỌC VÀ NHÀ CÔNG VỤ CHO GIÁO VIÊN</b>														
(1)	Dự án ...														
...	.....														





STT	Ngành, lĩnh vực, chương trình	Tổng số DA	Tổng mức đầu tư		Lũy kế số vốn NSNN hoặc TPCP đã bố trí đến hết ngày 31/12/2012 <sup>(*)</sup>	Lũy kế khối lượng thực hiện từ KC đến hết ngày 31/12/2012	Lũy kế giải ngân từ KC đến hết ngày 31/01/2013	Số vốn các bộ, ngành và địa phương còn nợ khối lượng chưa thanh toán ngày 31/01/2013	KH năm 2013	
			Tổng số	Trong đó: dự kiến bố trí từ nguồn vốn NSNN hoặc TPCP					Số dự án được bố trí vốn KH năm 2013 để thanh toán khối lượng nợ	Số vốn KH năm 2013 để thanh toán khối lượng nợ
<b>B</b>	<b>CÁC DỰ ÁN KHÔNG THUỘC KẾ HOẠCH ĐÀ CHO PHÉP DOANH NGHIỆP TRIỂN KHAI VÀ CÓ KHỐI LƯỢNG THỰC HIỆN</b>									
	<i>Trong đó:</i>									
	- Các dự án đã hoàn thành									
	- Các dự án đang thực hiện									

Ghi chú: (\*) Lũy kế số vốn NSNN hoặc trái phiếu Chính phủ đã bố trí đến hết kế hoạch năm 2012 và bổ sung tính đến hết ngày 31 tháng 12 năm 2012; số vốn được cấp có thẩm quyền quyết định trước ngày 31 tháng 12 năm 2012 cho phép ứng trước kế hoạch các năm sau (đối với nguồn vốn NSTW và trái phiếu Chính phủ số ứng trước do Thủ tướng Chính phủ quyết định; đối với nguồn vốn cân đối NSDP số ứng trước do cấp có thẩm quyền ở địa phương quyết định), nhưng hết năm 2012 chưa bố trí nguồn để thu hồi.

Biểu mẫu 16

(Áp dụng cho các bộ, ngành, cơ quan Trung ương, các tập đoàn kinh tế và tổng công ty nhà nước và các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương)

TÌNH HÌNH NỢ ĐỘNG XÂY DỰNG CƠ BẢN CÁC DỰ ÁN SỬ DỤNG VỐN ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN NGUỒN NSNN (VỐN TRONG NƯỚC) TÍNH ĐẾN NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2012

(Biểu mẫu kèm theo văn bản số 4669/BKHĐT-TH ngày 05 tháng 7 năm 2013)

Đơn vị: Triệu đồng

TT	Danh mục dự án	Địa điểm XD	Năng lực thiết kế	Thời gian KC-HT	Quyết định đầu tư					Lũy kế vốn đã bố trí đến hết ngày 31/12/2012 <sup>(1)</sup>			Lũy kế khối lượng thực hiện từ KC đến 31/12/2012		Lũy kế giải ngân từ KC đến 31/1/2013			Số nợ động xây dựng cơ bản đến ngày 31/12/2012			Kế hoạch 2013			Ghi chú				
					Số quyết định ngày, tháng, năm ban hành	IMDT			Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó:		Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSNN	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó:		Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó:		Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó:							
						Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	NSTW	NSDP		Các nguồn vốn khác	NSTW				NSDP	Các nguồn vốn khác		NSTW	NSDP		Các nguồn vốn khác	NSTW	NSDP		Các nguồn vốn khác			
1	2	3	4	5	6	7- (8)+(9)+(10)	8	9	10	11-(12)- (13)-(14)	12	13	14	15	16	17	18	19	20- (15)-(11)	21	22	23	24-(25)- (26)+(27)	25	26	27	28	
<b>TỔNG SỐ</b>																												
3	CHUẨN BỊ ĐẦU TƯ																											
4	Ngành/Lĩnh vực ...																											
5	Dự án ...																											
6	Ngành/Lĩnh vực ...																											
7	Dự án ...																											
8	Ngành/Lĩnh vực ...																											
9	Dự án ...																											
10	Ngành/Lĩnh vực ...																											
11	Dự án ...																											
(1)	Các dự án hoàn thành, đã bàn giao																											
1	Dự án ...																											
2	Dự án ...																											
(2)	Các dự án đang triển khai thực hiện																											
1	Dự án ...																											
2	Dự án ...																											

TT	Danh mục dự án	Địa điểm XD	Năng lực thiết kế	Thời gian KC-HTT	Quyết định đầu tư			Lũy kế vốn đã bỏ tới hết ngày 31/12/2012 <sup>(1)</sup>			Lũy kế khối lượng thực hiện từ KC đến 31/12/2012		Lũy kế giải ngân từ KC đến 31/1/2013			Số nợ đọng xây dựng cơ bản đến ngày 31/12/2012			Kế hoạch 2013			Ghi chú			
					Số quyết định ngày, tháng, năm ban hành	FMDT			Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó:			Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSNN	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó:			Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó:					
						Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	NSTW	NSDP		Các nguồn vốn khác	NSTW	NSDP				Các nguồn vốn khác	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	NSTW		NSDP	Các nguồn vốn khác		Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	NSTW	NSDP
H	Ngành, Lĩnh vực.....																								
..	Phân loại như trên																								
I	ĐẦU TƯ THEO MỤC TIÊU, NHIỆM VỤ CỤ THỂ																								
i	Chương trình .....																								
(1)	Các dự án hoàn thành, đã bàn giao																								
1	Dự án ...																								
2	Dự án ...																								
...	.....																								
(2)	Các dự án đang triển khai thực hiện																								
1	Dự án ...																								
2	Dự án ...																								
...	.....																								
II	Chương trình .....																								
..	Phân loại như trên																								

<sup>(1)</sup> Theo quy định tại khoản 1, Điều 10 và khoản 1, Điều 11 của Luật Đầu tư năm 2010, chủ đầu tư được áp dụng hình thức quyết định đầu tư để triển khai dự án đầu tư xây dựng cơ bản từ năm 2011. Cho phép ứng trước từ ngân sách nhà nước để triển khai dự án đầu tư xây dựng cơ bản từ năm 2011. Chủ đầu tư được áp dụng hình thức quyết định đầu tư để triển khai dự án đầu tư xây dựng cơ bản từ năm 2011, nhưng hết năm 2012 chưa bố trí nguồn để thu hồi.

Biểu mẫu 17

(Áp dụng cho các bộ, ngành và các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương được bố trí vốn TPCP giai đoạn 2012-2015)

TÌNH HÌNH NỢ ĐỘNG XÂY DỰNG CƠ BẢN CÁC DỰ ÁN SỬ DỤNG VỐN TRÁI PHIẾU CHÍNH PHỦ TÍNH ĐẾN NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2012

(Biểu mẫu kèm theo văn bản số 4669/BKHĐT-TH ngày 05 tháng 7 năm 2013)

Đơn vị: Triệu đồng

TT	Danh mục dự án	Địa điểm XD	Năng lực thiết kế	Thời gian KC-HT	Quyết định đầu tư				Lũy kế vốn đã bố trí đến hết ngày 31/12/2012 <sup>(*)</sup>		Lũy kế khối lượng thực hiện từ KC đến 31/12/2012		Lũy kế giải ngân từ KC đến 31/1/2013		Số nợ động xây dựng cơ bản đến ngày 31/12/2012			KH vốn TPCP giai đoạn 2012-2015	Kế hoạch 20123			Ghi chú			
					Số quyết định ngày, tháng, năm ban hành	TMĐT		Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó:		Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: TPCP	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: TPCP	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó:			Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	TPCP	Các nguồn vốn khác		Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó:	
						TPCP	Các nguồn vốn khác		TPCP	Các nguồn vốn khác						TPCP	Các nguồn vốn khác							TPCP	Các nguồn vốn khác
1	2	3	4	5	6	7= (8)+(9)	8	9	10= (11)+(12)	11	12	13	14	15= (16)+(17)	16	17	18= (13)-(10)	19= (14)-(11)	20= (18)-(19)	21	22= (23)+(24)	23	24	25	
<b>TỔNG SỐ</b>																									
I	Ngành, lĩnh vực .....																								
(1)	Các dự án hoàn thành, đã bàn giao																								
1	Dự án ...																								
2	Dự án ...																								
...	.....																								
(2)	Các dự án đang triển khai thực hiện																								
1	Dự án ...																								
...	.....																								
II	Ngành, Lĩnh vực.....																								
...	Phân loại như trên																								

Ghi chú: (\*) Lũy kế số vốn đã bố trí đến hết kế hoạch năm 2012 và bổ sung tính đến hết ngày 31 tháng 12 năm 2012; và số vốn cấp có thẩm quyền quyết định trước ngày 31 tháng 12 năm 2012 cho phép ứng trước kế hoạch các năm sau (đối với số vốn trái phiếu Chính phủ do Thủ tướng Chính phủ quyết định), nhưng hết năm 2012 chưa bố trí nguồn để thu hồi.



STT	Ngành, lĩnh vực, chương trình	Tổng số DA	Tổng mức đầu tư		Lũy kế số vốn NSNN hoặc TPCP đã bố trí đến hết KH năm 2013(*)	Lũy kế khối lượng thực hiện từ KC đến hết ngày 30/6/2013	Lũy kế giải ngân từ KC đến hết ngày 30/6/2013	Số vốn các bộ, ngành và địa phương còn nợ khối lượng chưa bố trí vốn ngày 30/6/2013	Bổ sung hoặc ứng trước KH các năm sau được cấp có thẩm quyền quyết định từ ngày 1/7/2013 đến thời điểm báo cáo		Dự kiến bố trí vốn KH năm 2014	
			Tổng số	Trong đó: dự kiến bố trí từ nguồn vốn NSNN hoặc TPCP					Số dự án được bổ sung hoặc ứng trước vốn để thanh toán khối lượng nợ	Số vốn được bổ sung hoặc ứng trước để thanh toán khối lượng nợ	Số dự án dự kiến bố trí KH để thanh toán khối lượng nợ	Số vốn dự kiến KII để thanh toán khối lượng nợ
<b>B</b>	<b>CÁC DỰ ÁN KHÔNG THUỘC KẾ HOẠCH ĐÀ CHO PHÉP DOANH NGHIỆP TRIỂN KHAI VÀ CÓ KHỐI LƯỢNG THỰC HIỆN</b>											
	<i>Trong đó:</i>											
	- Các dự án đã hoàn thành, đã bàn giao											
	- Các dự án đang thực hiện											

Ghi chú: (\*) Lũy kế số vốn NSNN hoặc trái phiếu Chính phủ đã bố trí đến hết kế hoạch năm 2013 và số vốn bổ sung tính đến hết ngày 30 tháng 6 năm 2013; số vốn được cấp có thẩm quyền quyết định trước ngày 30 tháng 6 năm 2013 cho phép ứng trước kế hoạch các năm sau (đối với nguồn vốn NSTW và trái phiếu Chính phủ do Thủ tướng Chính phủ quyết định; đối với nguồn vốn cân đối NSDP do cấp có thẩm quyền ở địa phương quyết định), nhưng chưa bố trí nguồn để thu hồi.

**Biểu mẫu 19**

(Áp dụng cho các bộ, ngành, cơ quan Trung ương, các tập đoàn kinh tế và tổng công ty nhà nước và các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương)

**TÌNH HÌNH NỢ ĐONG XÂY DỰNG CƠ BẢN CÁC DỰ ÁN SỬ DỤNG VỐN ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN NGUỒN NSNN (VỐN TRONG NƯỚC) TÍNH ĐẾN NGÀY 30 THÁNG 6 NĂM 2013**

(Biểu mẫu kèm theo văn bản số 4669/BKHDT-TH ngày 05 tháng 7 năm 2013)

Đơn vị: Triệu đồng

TT	Danh mục dự án	Địa điểm XD	Năng lực thiết kế	Thời gian KC-HT	Quyết định đầu tư					Lũy kế vốn đã bỏ tri đến hết KH 2013 <sup>(*)</sup>			Lũy kế khối lượng thực hiện từ KC đến 30/6/2013		Số nợ đong xây dựng cơ bản đến ngày 30/6/2013			Bổ sung hoặc ứng trước kế hoạch các năm sau được cấp có thẩm quyền quyết định từ 1/7/2013 đến thời điểm báo cáo			Dự kiến bố trí KH năm 2014			Ghi chú							
					Số quyết định ngày, tháng, năm ban hành	TMĐT			Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó:		Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSNN	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó:		Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó:		Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó:										
						Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	NSTW	NSĐP		Các nguồn vốn khác	NSTW				NSĐP	Các nguồn vốn khác		NSTW	NSĐP		Các nguồn vốn khác	NSTW	NSĐP		Các nguồn vốn khác						
																										7= (8)+(9)+(10)	8	9	10	11= (12)+(13)+(14)	12
<b>TỔNG SỐ</b>																															
<b>A CHUẨN BỊ ĐẦU TƯ</b>																															
<b>I Ngành/ Lĩnh vực ...</b>																															
1 Dự án ...																															
...																															
<b>II Ngành/ Lĩnh vực ...</b>																															
1 Dự án ...																															
...																															
<b>B THỰC HIỆN DỰ ÁN</b>																															
<b>I Ngành, lĩnh vực .....</b>																															
<b>(1) Các dự án hoàn thành, đã bàn giao</b>																															
1 Dự án ...																															
2 Dự án ...																															
...																															
<b>(2) Các dự án đang triển khai thực hiện</b>																															
1 Dự án ...																															
2 Dự án ...																															
...																															
<b>II Ngành, Lĩnh vực.....</b>																															
... Phân loại như trên																															

TT	Danh mục dự án	Địa điểm XD	Năng lực thiết kế	Thời gian KC-HT	Quyết định đầu tư			Lũy kế vốn đã bố trí đến hết KH 2013 <sup>(*)</sup>			Lũy kế khối lượng thực hiện từ KC đến 30/6/2013		Lũy kế giải ngân từ KC đến 30/6/2013			Số nợ đọng xây dựng cơ bản đến ngày 30/6/2013			Bổ sung hoặc ứng trước kế hoạch các năm sau được cấp có thẩm quyền quyết định từ 1/7/2013 đến thời điểm báo cáo			Dự kiến bố trí KH năm 2014			Ghi chú			
					Số quyết định ngày, tháng, năm ban hành	TMĐT			Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó:			Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSNN	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó:			Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó:			Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó:				
						NSTW	NSDP	Các nguồn vốn khác		NSTW	NSDP	Các nguồn vốn khác				NSTW	NSDP	Các nguồn vốn khác		NSTW	NSDP	Các nguồn vốn khác		NSTW		NSDP	Các nguồn vốn khác	
C	<b>ĐẦU TƯ THEO CHƯƠNG TRÌNH, NHIỆM VỤ CỤ THỂ</b>																											
I	<b>Chương trình .....</b>																											
(1)	<b>Các dự án hoàn thành, đã bàn giao</b>																											
1	Dự án ...																											
2	Dự án ...																											
...	.....																											
(2)	<b>Các dự án đang triển khai thực hiện</b>																											
1	Dự án ...																											
2	Dự án ....																											
...	.....																											
II	<b>Chương trình .....</b>																											
...	<b>Phân loại như trên</b>																											

Ghi chú: (\*) Lũy kế số vốn đã bố trí đến hết kế hoạch năm 2013 và số vốn bổ sung tính đến hết ngày 30 tháng 6 năm 2013; số vốn được cấp có thẩm quyền quyết định trước ngày 30 tháng 6 năm 2013 cho phép ứng trước kế hoạch các năm sau (đối với nguồn vốn NSTW do Thủ tướng Chính phủ quyết định; đối với nguồn vốn cân đối NSDP do cấp có thẩm quyền ở địa phương quyết định), nhưng chưa bố trí nguồn để thu hồi.



**Biểu mẫu 20**

(Áp dụng cho các bộ, ngành và các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương được bố trí vốn TPCP giai đoạn 2012-2015)

**TÌNH HÌNH NỢ ĐỘNG XÂY DỰNG CƠ BẢN CÁC DỰ ÁN SỬ DỤNG VỐN TRÁI PHIẾU CHÍNH PHỦ TÍNH ĐẾN NGÀY 30 THÁNG 6 NĂM 2013**

(Biểu mẫu kèm theo văn bản số 4669/BKHĐT-TH ngày 05 tháng 7 năm 2013)

Đơn vị: Triệu đồng

TT	Danh mục dự án	Địa điểm XD	Năng lực thiết kế	Thời gian KC-HT	Quyết định đầu tư				Lũy kế vốn đã bố trí đến KH 2013 <sup>(*)</sup>	Lũy kế khối lượng thực hiện từ KC đến 30/6/2013		Lũy kế giải ngân từ KC đến 30/6/2013		Số nợ động xây dựng cơ bản đến ngày 30/6/2013			Bổ sung hoặc ứng trước kế hoạch các năm sau được cấp có thẩm quyền quyết định từ 1/7/2013 đến thời điểm báo cáo			Dự kiến KH năm 2014			Ghi chú				
					Số quyết định ngày, tháng, năm ban hành	TMĐT		Tổng số (tất cả các nguồn vốn)		Trong đó:		Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: TPCP	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: TPCP	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó:		Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó:		Tổng số (tất cả các nguồn vốn)		Trong đó:			
						Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	TPCP			Các nguồn vốn khác	TPCP						Các nguồn vốn khác	TPCP		Các nguồn vốn khác	TPCP			Các nguồn vốn khác	TPCP	Các nguồn vốn khác	
																											TPCP
1	2	3	4	5	6	7=(8)+(9)	8	9	10=(11)+(12)	11	12	13	14	15=(16)+(17)	16	17	18=(13)-(10)	19=(14)-(11)	20=(18)-(19)	21=(22)+(23)	22	23	24=(25)+(26)	25	26	27	
<b>TỔNG SỐ</b>																											
<b>I Ngành, lĩnh vực .....</b>																											
<b>(1) Các dự án hoàn thành, đã bàn giao</b>																											
1	Dự án ...																										
2	Dự án ...																										
...	.....																										
<b>(2) Các dự án đang triển khai thực hiện</b>																											
1	Dự án ...																										
2	Dự án ....																										
...	.....																										
<b>II Ngành, Lĩnh vực.....</b>																											
<b>... Phân loại như trên</b>																											

Ghi chú: (\*) Lũy kế số vốn đã bố trí đến hết kế hoạch năm 2013; số vốn bổ sung tính đến hết ngày 30 tháng 6 năm 2013; số vốn được cấp có thẩm quyền quyết định trước ngày 30 tháng 6 năm 2013 cho phép ứng trước kế hoạch các năm sau, nhưng chưa bố trí nguồn để thu hồi (đối với vốn trái phiếu Chính phủ là số Thủ tướng Chính phủ quyết định cho ứng trước).

**Biểu mẫu 21**

(Áp dụng cho các bộ, ngành, cơ quan Trung ương, các tập đoàn kinh tế và tổng công ty nhà nước và các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương)

**DANH MỤC VÀ TÌNH HÌNH THỰC HIỆN CÁC DỰ ÁN PHẢI ĐÌNH HOẢN SỬ DỤNG VỐN ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN NGUỒN NSNN (VỐN TRONG NƯỚC)**

(Biểu mẫu kèm theo văn bản số 4669/BKHĐT-TH ngày 05 tháng 7 năm 2013)

Đơn vị: Triệu đồng

TT	Danh mục dự án	Địa điểm XD	Năng lực thiết kế	Thời gian KC-HT	Quyết định đầu tư					Lũy kế vốn đã bố trí đến hết KH năm 2013 <sup>(*)</sup>				Lũy kế khối lượng thực hiện từ KC đến 30/6/2013		Lũy kế giải ngân từ KC đến 30/6/2013			Nhu cầu bố trí vốn để hoàn thành hoặc thi công đến điểm dừng kỹ thuật		Dự kiến bố trí nguồn vốn khác để thực hiện	Lý do và nguyên nhân đình hoãn		
					Số quyết định ngày, tháng, năm ban hành	TMĐT			Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó:			Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó:	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó:		Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó:					
						NSTW	NSĐP	Các nguồn vốn khác		NSTW	NSĐP	Các nguồn vốn khác				NSTW	NSĐP							
																			NSNN	NSTW			NSĐP	
1	2	3	4	5	6	7= (8)+(9)+(10)	8	9	10	11=(12)+ (13)+(14)	12	13	14	15	16	17	18	19	20	21	22	23	24	
<b>TỔNG SỐ</b>																								
<b>A ĐẦU TƯ TRONG CÂN ĐỐI NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG</b>																								
1	Dự án ...																							
2	Dự án ...																							
...	.....																							
<b>B ĐẦU TƯ NGUỒN NGÂN SÁCH TRUNG ƯƠNG</b>																								
<b>I Ngành, lĩnh vực/ Chương trình .....</b>																								
1	Dự án ...																							
2	Dự án ...																							
...	.....																							
<b>II Ngành, lĩnh vực/ Chương trình .....</b>																								
...	<b>Phân loại như trên</b>																							

Ghi chú: (\*) Lũy kế số vốn đã bố trí và bổ sung đến hết kế hoạch năm 2013 và số vốn được cấp có thẩm quyền quyết định trước ngày 30 tháng 6 năm 2013 cho phép ứng trước kế hoạch các năm sau (đối với nguồn vốn NSTW do Thủ tướng Chính phủ quyết định; đối với nguồn vốn cân đối NSĐP do cấp có thẩm quyền ở địa phương quyết định).

**Biểu mẫu 22**

(Áp dụng cho các bộ, ngành và các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương được bố trí vốn TPCP giai đoạn 2012-2015)

**DANH MỤC VÀ TÌNH HÌNH THỰC HIỆN CÁC DỰ ÁN SỬ DỤNG VỐN TRÁI PHIẾU CHÍNH PHỦ PHẢI ĐÌNH HOẢN**

(Biểu mẫu kèm theo văn bản số 4669/BKHĐT-TH ngày 05 tháng 7 năm 2013)

Đơn vị: Triệu đồng

TT	Tên dự án	Địa điểm XD	Năng lực thiết kế	Thời gian KC-HT	Quyết định đầu tư			Lũy kế vốn đã bố trí đến KH 2013(*)			Lũy kế khối lượng thực hiện từ KC đến 30/6/2013		Lũy kế giải ngân từ KC đến 30/6/2013		Số vốn còn thiếu để hoàn thành dự án hoặc thi công đến điểm dừng kỹ thuật	Dự kiến huy động các nguồn vốn khác để thực hiện	Lý do và nguyên nhân giải hoản		
					Số quyết định ngày, tháng, năm ban hành	TMDT		Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó:		Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó:		Tổng số (tất cả các nguồn vốn)				Trong đó:	
						Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	TPCP		Các nguồn vốn khác	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)		TPCP	Các nguồn vốn khác					Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	TPCP
7 <sup>o</sup> (8)(9)	10 <sup>o</sup> (11)(12)	11	12	13	14	15 <sup>o</sup> (16)(17)	18	19	20										
1	Dự án ...																		
2	Dự án ...																		
...	.....																		
11	Ngành, Ủy ban v.v.....																		
...	Phân loại như trên																		

Ghi chú: (\*) Lũy kế số vốn đã bố trí đến hết kế hoạch năm 2013 và bổ sung tiếp đến hết ngày 30 tháng 6 năm 2013; (\*) số vốn cấp có thẩm quyền quyết định trước ngày 30 tháng 6 năm 2013 cho phép ứng trước kế hoạch các năm sau (đối với số vốn trái phiếu Chính phủ do Thủ tướng Chính phủ quyết định)



TT	Danh mục dự án	Địa điểm XD	Năng lực thiết kế	Thời gian KC-HT	Quyết định đầu tư		Đã bố trí vốn đến hết năm 2013		Lũy kế khối lượng thực hiện từ KC				Ước giải ngân từ KC đến 31/01/2014		Đã hoặc dự kiến điều chỉnh TMDT theo KH được giao			Dự kiến huy động các nguồn vốn khác để thực hiện	Ghi chú			
					Số quyết định ngày, tháng, năm ban hành	TMDT		Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSNN	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSNN	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSNN	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSNN	Số quyết định ngày, tháng, năm ban hành	TMDT					
						Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSNN										Tổng số (tất cả các nguồn vốn)			Trong đó: NSNN	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSNN
(1)	Các dự án hoàn thành, bàn giao, đi vào sử dụng trước ngày 31/12/2013																					
a	<b>Dự án nhóm A</b>																					
1	Dự án ...																					
2	Dự án ...																					
...	.....																					
b	<b>Dự án nhóm B</b>																					
1	Dự án ...																					
...	.....																					
c	<b>Dự án nhóm C</b>																					
1	Dự án ...																					
...	.....																					
(2)	Các dự án dự kiến hoàn thành năm 2014																					
a	<b>Dự án nhóm A</b>																					
1	Dự án ...																					
...	.....																					
b	<b>Dự án nhóm B</b>																					
1	Dự án ...																					

TT	Danh mục dự án	Địa điểm XD	Năng lực thiết kế	Thời gian KC-HT	Quyết định đầu tư		Đã bố trí vốn đến hết năm 2013		Lũy kế khối lượng thực hiện từ KC				Ước giải ngân từ KC đến 31/01/2014		Đã hoặc dự kiến điều chỉnh TMĐT theo KH được giao		Dự kiến huy động các nguồn vốn khác để thực hiện	Ghi chú		
					Số quyết định ngày, tháng, năm ban hành	TMĐT		Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSNN	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSNN	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSNN	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSNN	Số quyết định ngày, tháng, năm ban hành			TMĐT	
						Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSNN												Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSNN
...	.....																			
<b>c</b>	<b>Dự án nhóm C</b>																			
1	Dự án ...																			
...	.....																			
<b>(3)</b>	<b>Các dự án chuyển tiếp hoàn thành sau năm 2014</b>																			
<b>a</b>	<b>Dự án nhóm A</b>																			
1	Dự án ...																			
...	.....																			
<b>b</b>	<b>Dự án nhóm B</b>																			
1	Dự án ...																			
...	.....																			
<b>c</b>	<b>Dự án nhóm C</b>																			
1	Dự án ...																			
...	.....																			
<b>II</b>	<b>Ngành, Lĩnh vực/Chương trình.....</b>																			
...	<b>PHÂN LOẠI NHƯ TRÊN</b>																			



TT	Danh mục dự án	Địa điểm XD	Năng lực thiết kế	Thời gian KC-HT	Quyết định đầu tư			Đã bố trí vốn đến hết KH năm 2013		Lũy kế khối lượng thực hiện từ KC đến hết				Ước giải ngân từ KC đến hết ngày 31/01/2014		Đã hoặc dự kiến điều chỉnh TMĐT theo KH được giao			Dự kiến huy động các nguồn vốn khác để thực hiện	Dự kiến tiến độ thực hiện sau năm 2015	Ghi chú			
					Số quyết định, ngày, tháng, năm ban hành	TMĐT		Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSTW	Ngày 30/6/2013		Ngày 31/12/2013		Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSTW	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSTW	Số quyết định, ngày, tháng, năm ban hành				TMĐT		
						Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSTW			Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSTW	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSTW									Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSTW	
(2)	<b>Các dự án dự kiến hoàn thành năm 2014</b>																							
	<i>a Dự án nhóm A</i>																							
1	Dự án ...																							
	.....																							
	<i>b Dự án nhóm B</i>																							
1	Dự án ...																							
	.....																							
	<i>c Dự án nhóm C</i>																							
1	Dự án ...																							
	.....																							
(3)	<b>Các dự án chuyển tiếp hoàn thành sau năm 2014</b>																							
	<i>a Dự án nhóm A</i>																							
1	Dự án ...																							
	.....																							
	<i>b Dự án nhóm B</i>																							
1	Dự án ...																							
	.....																							
	<i>c Dự án nhóm C</i>																							



TT	Danh mục dự án	Địa điểm XD	Năng lực thiết kế	Thời gian KC-HT	Số quyết định:		Trong đó: NSTW (tất cả các nguồn vốn)	Tổng số NSTW (tất cả các nguồn vốn)	Ngày 30/6/2013	Ngày 31/12/2013	Ước giải ngân từ KC đến hết ngày		Dự kiến huy động vốn khác thực hiện sau năm 2015	Ghi chú	
					Số quyết định, năm tháng, ngày, ban hành	TMDT					Tổng số NSTW (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSTW (tất cả các nguồn vốn)			Dự kiến huy động vốn khác thực hiện
					Quyết định đầu tư						TMDT				Dự kiến huy động vốn khác thực hiện
1	Dự án ...														
II	Chương trình ...														
...	...														
...	PHẦN LOẠI NHƯ TRÊN														





**Biểu mẫu số 26**

**DỰ KIẾN ĐỀ XUẤT ĐIỀU CHỈNH MỨC VỐN TRÁI PHIẾU CHÍNH PHỦ GIAI ĐOẠN 2012-2015**

(Biểu mẫu kèm theo văn bản số 4669/BKHĐT-TH ngày 05 tháng 7 năm 2013)

Đơn vị: Triệu đồng

TT	Danh mục dự án	Địa điểm XD	Năng lực thiết kế	Thời gian KC-HT	Quyết định đầu tư quy định tại NQ 881/2010/NQ-UBTVQH12 hoặc Quyết định đầu tư ban đầu			Quyết định đầu tư điều chỉnh quy định tại các QĐ giao vốn của Thủ tướng Chính phủ KH năm 2012			Quyết định đầu tư điều chỉnh giảm tổng mức đầu tư phù hợp với KH vốn TPCP được giao giai đoạn 2012-2015 quy định tại các QĐ giao vốn của Thủ tướng Chính phủ KH năm 2012			Kế hoạch vốn TPCP đã được giao		Ước khối lượng thực hiện kế hoạch năm 2013 từ 1/1/2013 đến 31/12/2013		Dự kiến điều chỉnh kế hoạch vốn TPCP giai đoạn 2012-2015			Lý do điều chỉnh	
					Số QĐ; ngày, tháng, năm ban hành	TMĐT	Trong đó: TPCP	Số QĐ; ngày, tháng, năm ban hành	TMĐT	Trong đó: TPCP	Số QĐ; ngày, tháng, năm ban hành	TMĐT	Trong đó: TPCP	Giai đoạn 2012-2015	Trong đó:		Tổng số	Trong đó: TPCP	Tăng so với QĐ giao của TTCP	Giảm so với QĐ giao của TTCP		Dự kiến KH vốn TPCP giai đoạn 2012-2015 sau khi điều chỉnh
															Trong đó: Kế hoạch năm 2012	Kế hoạch năm 2013						
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20	21	22	23
<b>TỔNG SỐ</b>																						
<b>I NGÀNH GIAO THÔNG</b>																						
1	Danh mục dự án hoàn thành, đã bàn giao, đi vào sử dụng trước ngày 31/12/2013																					
(1)	Dự án ...																					
(2)	Dự án ...																					
...	.....																					
2	Danh mục dự án dự kiến hoàn thành năm 2014																					
(1)	Dự án ...																					
...	.....																					
3	Danh mục dự án dự kiến hoàn thành năm 2015																					
(1)	Dự án ...																					
...	.....																					
4	Danh mục dự án hoàn thành sau năm 2015																					
(1)	Dự án ...																					

TT	Danh mục dự án	Địa điểm XD	Năng lực thiết kế	Thời gian K.C-HT	Quyết định đầu tư quy định tại NQ 881/2010/NQ-UBTVQH12 hoặc Quyết định đầu tư ban đầu			Quyết định đầu tư điều chỉnh quy định tại các QĐ giao vốn của Thủ tướng Chính phủ KH năm 2012			Quyết định đầu tư điều chỉnh gián tổng mức đầu tư phù hợp với KH vốn TPCP được giao giai đoạn 2012-2015 quy định tại các QĐ giao vốn của Thủ tướng Chính phủ KH năm 2012			Kế hoạch vốn TPCP đã được giao			Ước khối lượng thực hiện kế hoạch năm 2013 từ 1/1/2013 đến 31/12/2013		Dự kiến điều chỉnh kế hoạch vốn TPCP giai đoạn 2012-2015			Lý do điều chỉnh			
					Số QĐ; ngày, tháng, năm ban hành	TMĐT	Trong đó: TPCP	Số QĐ; ngày, tháng, năm ban hành	TMĐT	Trong đó: TPCP	Số QĐ; ngày, tháng, năm ban hành	TMĐT	Trong đó: TPCP	Giai đoạn 2012-2015	Trong đó:		Tổng số	Trong đó: TPCP	Tăng so với QĐ giao của TTCP	Giảm so với QĐ giao của TTCP	Dự kiến KH vốn TPCP giai đoạn 2012-2015 sau khi điều chỉnh				
															Trong đó: Kế hoạch năm 2012	Kế hoạch năm 2013									
5	Danh mục các dự án gián, hoãn tiến độ thực hiện, bố trí vốn để thanh toán khối lượng đã thực hiện và đến điểm dừng kỹ thuật hợp lý																								
(1)	Dự án ...																								
II	NGÀNH THỦY LỢI																								
	Phân loại như trên																								
III	NGÀNH Y TẾ																								
1	Bệnh viện tuyến huyện																								
	Phân loại như trên																								
2	Bệnh viện tuyến tỉnh																								
	Phân loại như trên																								
IV	KỶ TÚC XÁ SINH VIÊN																								
	Phân loại như trên																								
V	CHƯƠNG TRÌNH KIẾN CỐ HÓA TRƯỞNG LỚP HỌC VÀ NHÀ CÔNG VỤ CHO GIÁO VIÊN																								
	Phân loại như trên																								
VI	DỰ ÁN DI DÂN TÁI ĐỊNH CƯ THỦY ĐIỆN SƠN LA																								
	Phân loại như trên																								